



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TÀI LIỆU HỘI NGHỊ**

**SƠ KẾT 02 NĂM**

**THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 105/2020/NĐ-CP  
CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH  
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON**

*Tháng 10 năm 2022*



**CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ**  
**SƠ KẾT 02 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 105/2020/NĐ-CP**  
**CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON**  
**Ngày 20 tháng 10 năm 2022**

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
7h30-8h00	Đón tiếp đại biểu và kết nối đường truyền các điểm cầu	Ban Tổ chức
8h00-8h40	Tuyên bố lý do - Giới thiệu đại biểu	Lãnh đạo Vụ GDMN
	Phát biểu khai mạc Hội nghị	Lãnh đạo Bộ GDĐT
	Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	Lãnh đạo Vụ GDMN
8h40-9h45	Tham luận	- Các địa phương; - Nhóm chuyên gia Ngân hàng Thế giới
	<b>Thảo luận theo các chủ đề:</b> - Công tác đầu tư, quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non - Chính sách khuyến khích xã hội hóa trong GDMN và hình thức đối tác công tư trong đầu tư phát triển GDMN - Những kinh nghiệm trong tham mưu ban hành chính sách địa phương; chính sách đối với GDMN ở địa bàn có KCN, đông lao động; quy định định mức kinh tế-kỹ thuật, dịch vụ GDMN không sử dụng ngân sách nhà nước... - Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với GDMN vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. - Phối hợp liên ngành trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non.	Toàn thể Hội nghị
9h45-10h00	<i>Giải lao</i>	
10h00-11h45	Thảo luận	Toàn thể Hội nghị
11h45-12h00	Kết luận Hội nghị	Lãnh đạo Bộ GDĐT





## **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

### **BÁO CÁO**

#### **Sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non**

Thực hiện Chương trình công tác năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành kèm theo Quyết định số 99/QĐ-BGDĐT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ GDĐT; Kế hoạch số 1097/KH-BGDĐT ngày 17/8/2022 của GDĐT về việc triển khai nhiệm vụ sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Nghị định số 105), Bộ GDĐT báo cáo kết quả 02 năm thực hiện Nghị định số 105 như sau:

#### **I. Công tác chỉ đạo và phối hợp liên ngành giữa các Bộ, ngành Trung ương**

##### **1. Công tác chỉ đạo của Bộ GDĐT**

- Tổ chức Hội nghị triển khai Nghị định tới các sở GDĐT<sup>1</sup> và ban hành các văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các chính sách phát triển giáo dục mầm non (GDMN) quy định tại Nghị định<sup>2</sup>; tổ chức tuyên truyền về các nội dung chính sách.

- Ban hành văn bản giải đáp kịp thời những khó khăn, vướng mắc của địa phương trong quá trình triển khai thực hiện chính sách và góp ý kiến đối với dự thảo chính sách phát triển GDMN của địa phương<sup>3</sup>.

- Ban hành quy định thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GDĐT về thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa, trợ cấp trẻ em con công nhân và hỗ trợ đối với giáo viên mầm non (GVMN) làm việc tại cơ sở GDMN dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp (KCN)<sup>4</sup>.

- Phối hợp với Bộ Nội vụ đề xuất Chính phủ bổ sung biên chế GVMN cho 14 tỉnh/thành phố có tăng dân số cơ học và 05 tỉnh Tây Nguyên và bổ sung biên

<sup>1</sup> Hội nghị tổ chức 02 miền tại Hà Nam và Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>2</sup> Hướng dẫn nhiệm vụ năm học đối với GDMN năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023

<sup>3</sup> Công văn trả lời UBND và sở GDĐT các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Kon Tum, Lạng Sơn, Bình Thuận, Bình Dương, Quảng Nam...

<sup>4</sup> Quyết định số 2984/QĐ-BGDĐT ngày 09/10/2020

chế GVMN giai đoạn 2022-2026<sup>5</sup>; tham mưu ban hành chính sách hợp đồng GVMN theo Nghị quyết số 102/NQ-CP về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế.

- Tham mưu Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ cơ sở GDMN ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19<sup>6</sup> và chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại cơ sở GDMN, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19<sup>7</sup>.

- Ban hành một số Thông tư của Bộ GDĐT tạo hành lang pháp lý giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý nhà nước về GDMN và tạo điều kiện thúc đẩy phát triển GDMN<sup>8</sup>.

- Để bảo đảm cho GVMN được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 105 và có thời gian để địa phương thực hiện nâng chuẩn trình độ đào tạo theo lộ trình của Kế hoạch số 681/KH-BGDĐT của Bộ GDĐT ngày 28/8/2020 về nâng chuẩn trình độ đào tạo nhà giáo giai đoạn 1 (2020 – 2025), Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng GDĐT về việc ngưng hiệu lực về quy định chuẩn trình độ đào tạo tại một số Thông tư do Bộ GDĐT ban hành.

## **2. Công tác phối hợp liên ngành trong thực hiện chính sách phát triển GDMN**

- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động (Nghị định số 145), trong đó Điều 81 “*Tổ chức nhà trẻ, lớp mẫu giáo ở nơi có nhiều lao động*” có chính sách đối với trẻ em và GVMN theo quy định tại Điều 8 và Điều 10 Nghị định số 105 và quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trong việc bảo đảm trường, lớp mầm non ở nơi có đông lao động.

- Tổng Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) Việt Nam đã chỉ đạo LĐLĐ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động triển khai công tác tuyên truyền chính sách tới công nhân lao động và giám sát việc thực hiện Nghị định số 105 trong toàn tỉnh

<sup>5</sup> Bổ sung 20.300 biên chế GVMN cho 14 tỉnh/thành phố có tăng dân số cơ học và 05 tỉnh Tây Nguyên; Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương bổ sung 38.925 biên chế GVMN giai đoạn 2022-2026

<sup>6</sup> Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

<sup>7</sup> Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 11/8/2022 của Chính phủ

<sup>8</sup> Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT sửa đổi CT GDMN; Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ Trường mầm non; Thông tư 49/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thực.

đề người lao động hiểu, nắm rõ được quyền lợi của mình và chủ động làm các thủ tục đề nghị hỗ trợ theo đúng quy định.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức tổng kết Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu vực có khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020” tại 20 tỉnh, thành phố. Đề án đã huy động được sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền các cấp, sự tham gia giám sát của các ban, ngành, đoàn thể địa phương và cộng đồng dân cư đối với hoạt động của các nhóm, lớp độc lập tự thực tại cộng đồng, tạo những chuyển biến tích cực đối với hoạt động GDMN tại khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN, KCX).

- Nhiều tổ chức quốc tế đã quan tâm hỗ trợ GDMN vùng khó khăn, GDMN ở địa bàn có KCN, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ là con công nhân nghèo như: Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới, VOVB, Save the Children, OneSky...

### **3. Công tác kiểm tra, giám sát**

Hàng năm, Bộ GDĐT đã tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách đối với GDMN tại các địa phương. Nội dung kiểm tra được phối hợp, lồng ghép nhiều nội dung trong các đợt kiểm tra nhiệm vụ năm học, kiểm tra chuyên đề, chuyên môn. Năm 2022 Bộ GDĐT đã thực hiện kiểm tra tại các tỉnh Bắc Cạn, Bạc Liêu, Quảng Bình, An Giang, Yên Bái, Ninh Thuận, Ninh Bình...<sup>9</sup>. Qua công tác kiểm tra, các đoàn đã kịp thời phát hiện những khó khăn, bất cập trong thực thi chính sách và hướng dẫn, tư vấn để các địa phương thực hiện theo đúng quy định.

Thực hiện Luật Giám sát của Quốc hội và Hội đồng Nhân dân (HĐND), Ủy ban Văn hóa Giáo dục của Quốc hội đã tổ chức giám sát chính sách pháp luật về GDMN ở KCN, KCX đối với UBND các tỉnh, thành phố<sup>10</sup>.

## **II. Việc triển khai thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định số 105 tại các địa phương**

### **1. Công tác chỉ đạo**

Thực hiện Nghị định số 105, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chỉ đạo các Sở, ngành làm tốt công tác tuyên truyền, triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN.

UBND các tỉnh, thành phố đã ban hành các Quyết định, Kế hoạch thực Đề án phát triển GDMN của địa phương. Trong đó, nhiều tỉnh, thành phố đã có những

<sup>9</sup> Quyết định số 4837/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2021 phê duyệt Kế hoạch kiểm tra năm 2022 của Bộ GDĐT và Quyết định số 2238/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2022 về việc điều chỉnh Kế hoạch kiểm tra năm 2022

<sup>10</sup> Các tỉnh/thành phố Ủy ban đến giám sát: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Bình Dương, Đồng Nai, Bắc Giang.



chính sách đầu xây dựng mới<sup>11</sup>, bổ sung các hạng mục công trình theo hướng đạt chuẩn về cơ sở vật chất đối với GDMN; điều chỉnh hợp lý quy mô hệ thống trường, lớp mầm non, dự kiến nguồn lực và khả năng huy động nguồn lực theo giai đoạn bảo đảm tập trung và hiệu quả trong đầu tư phát triển.

Sở GDĐT các tỉnh, thành phố đã chỉ đạo các phòng GDĐT, các cơ sở GDMN triển khai kịp thời, đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật từ Trung ương đến địa phương thực hiện tốt các nội dung chính sách quy định tại Nghị định; tích cực tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thành phố thực hiện kịp thời các chính sách theo quy định đối với trẻ em mẫu giáo, GVMN và chính sách đối với các cơ sở GDMN; quy trình, thủ tục thực hiện chính sách được hướng dẫn đầy đủ và tạo điều kiện tốt nhất đến đối tượng thụ hưởng chính sách, bảo đảm đúng quy định.

Công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp để thực hiện có hiệu quả kế hoạch phát triển GDMN của địa phương được ngành Giáo dục các địa phương hết sức chú trọng; các tỉnh vùng khó khăn tích cực tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng trường lớp đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ, tham mưu ban hành chính sách của địa phương để tăng cường huy động trẻ ra lớp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng thực hiện nâng cao chất lượng GDMN vùng khó khăn, miền núi, dân tộc thiểu số.

## **2. Ban hành các quy định chi tiết thực hiện chính sách theo thẩm quyền**

Sở GDĐT các tỉnh, thành phố đã phối hợp với các sở, ngành làm tốt công tác tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các văn bản quy định chính sách của địa phương thúc đẩy phát triển GDMN theo đúng thẩm quyền.

Theo quy định tại Nghị định số 105<sup>12</sup> và Nghị định số 24/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở GDMN và cơ sở giáo dục phổ thông công lập (Nghị định số 124)<sup>13</sup>, HĐND cấp tỉnh quy định chi tiết việc thực hiện chính sách tại địa phương. Tính đến hết tháng 9 năm 2022, đã có 55 tỉnh/thành phố đã ban hành Nghị quyết HĐND quy định chi tiết chính sách đối với GDMN của tỉnh/thành phố, trong đó: có 40 tỉnh, thành phố ban hành Nghị quyết HĐND về chính sách đối với trẻ em con công nhân và GVMN ở địa bàn có KCN; 34 tỉnh ban hành Nghị quyết HĐND quy định danh mục các khoản thu, mức thu dịch vụ GDMN ngoài học phí phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Đặc biệt một số tỉnh, thành phố đã ban hành đầy đủ văn bản với các nhóm chính sách theo quy định tại

<sup>11</sup> Hà Nội, Thái Bình...

<sup>12</sup> Khoản 3 Điều 6; Điều 8, Điều 10

<sup>13</sup> Khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 18.

Nghị định số 105 và có mức hỗ trợ cao hơn mức quy định hoặc mở rộng đối tượng được hưởng chính sách<sup>14</sup> (*Chi tiết tại Phụ lục 1*).

### **III. Kết quả đạt được**

#### **1. Chính sách đầu tư phát triển GDMN**

Các địa phương đã tập trung chỉ đạo công tác quy hoạch, mở rộng diện tích đất cho giáo dục, thực hiện tốt việc lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các Chương trình, dự án và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện chương trình GDMN, phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”. Tại một số địa phương, tổng quỹ đất được quy hoạch cho toàn ngành giáo dục đã tăng đáng kể so với giai đoạn trước. Nhiều địa phương thực hiện có hiệu quả việc sáp nhập trường, dồn điểm trường, đầu tư cơ sở vật chất, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của địa phương.

Một số tỉnh, thành phố đã xây dựng các dự án chất lượng cao thuộc lĩnh vực giáo dục được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn; áp dụng chính sách khuyến khích xã hội hoá giáo dục để thúc đẩy phát triển GDMN ngoài công lập như: hỗ trợ 100% chi phí giải phóng mặt trong ranh giới thực hiện dự án theo quy hoạch được duyệt, hỗ trợ tín dụng, cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng để xây dựng trường mầm non, miễn thuế thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án, tạo môi trường thông thoáng để các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng cơ sở GDMN<sup>15</sup>. Công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở GDMN ở KCN, KCX đáp ứng nhu cầu của công nhân, người lao động được quan tâm, một số địa phương đã đầu tư xây dựng các trường mầm non công lập trên địa bàn KCN; một số doanh nghiệp đã xây dựng trường mầm non hoạt động theo hình thức phi lợi nhuận, gắn với khu nhà ở tại các KCN, KCX phục vụ con công nhân lao động...

Tính đến hết năm học 2021-2022, toàn quốc có 15.401 trường mầm non (bao gồm nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non), 15.385 cơ sở GDMN độc lập (bao gồm nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập). Tổng số cơ sở GDMN trên toàn quốc là 30.786 (bao gồm 2 loại quy mô trường và cơ sở GDMN độc lập). Cơ sở vật chất tại các cơ sở GDMN ở các địa phương được cải thiện đáng kể, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học hằng năm tiếp tục được tăng cường đầu tư theo hướng kiên cố, hiện đại tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ đến trường đặc biệt là trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn ngày một tốt hơn so với những năm trước đây.

<sup>14</sup> Lào Cai, Hòa Bình, Hà Nội, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Nam, Kon Tum, Bình Dương, Đồng Nai...

<sup>15</sup> Bắc Giang, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương ...

## 2. Chính sách đối với cơ sở GDMN

### a) Quy định mức phí dịch vụ GDMN không sử dụng ngân sách Nhà nước

Tính đến hết tháng 9/2022 có 34 tỉnh, thành phố đã ban hành Nghị quyết HĐND cấp tỉnh quy định danh mục dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy định khung giá và mức giá dịch vụ GDMN không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng tại cơ sở GDMN công lập theo quy định tại Nghị định số 105 và Nghị định số 24. Ngoài ra, có Hà Nội, Bắc Ninh đang tiếp tục thực hiện văn bản của UBND cấp tỉnh quy định và hướng dẫn thực hiện một số nội dung dịch vụ công (từ năm 2013 và 2016). Một số tỉnh đang trong quá trình tham mưu ban hành<sup>16</sup>.

Trên cơ sở Nghị quyết HĐND cấp tỉnh, UBND các tỉnh, thành phố đã ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn cơ sở GDMN triển khai thực hiện theo chức năng nhiệm vụ và phân cấp quản lý. Quy định này đã giúp các cơ sở GDMN công lập huy động sự đóng góp của phụ huynh để hỗ trợ một số công việc phục vụ trực tiếp trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN theo nhu cầu của phụ huynh bảo đảm công khai, minh bạch.

### b) Chính sách đối với cơ sở GDMN độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động

Căn cứ quy định tại Điều 5 Nghị định số 105<sup>17</sup>, các tỉnh, thành phố đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn các đơn vị cấp huyện thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, sửa chữa cơ sở vật chất đối với cơ sở GDMN độc lập dân lập, tư thục có trẻ là con công nhân. Theo báo cáo của các sở GDĐT, hiện có 31 tỉnh, thành phố có văn bản quy định chính sách này. Số cơ sở GDMN độc lập đủ điều kiện nhận hỗ trợ là 858 cơ sở. Số kinh phí dự kiến hỗ trợ là 20,698 tỉ đồng. Số kinh phí đã thực hiện là 2,285 tỉ đồng (tỉ lệ 11% tổng số kinh phí dự kiến hỗ trợ). Số kinh phí còn lại sẽ được giải ngân trong thời gian tới. Chính sách đã tạo điều kiện để các cơ sở GDMN độc lập có kinh phí cải tạo phòng

<sup>16</sup> tỉnh Bình Thuận chưa có Nghị quyết HĐND, Phòng GDĐT tham mưu UBND cấp huyện cho phép mức thu hàng năm. Có 2 tỉnh (Kiên Giang, Bình Dương) đã tham mưu ban hành Nghị quyết HĐND năm 2022, tuy nhiên chưa có quy định mức thu/nguyên tắc thu, mà chỉ Ban hành Danh mục Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực GDĐT. Có 10 tỉnh, thành phố đang tham mưu UBND tỉnh trình HĐND vào kỳ họp HĐND Quý IV/2022. Hiện còn 9 tỉnh, thành phố đang hoàn thiện hồ sơ trình; 11 tỉnh (Sơn La, Quảng Bình, Bình Thuận, Ninh Thuận, Đắk-lắk, Đắk Nông, Bình Phước, TP.HCM, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng) chưa xây dựng Nghị quyết, một số tỉnh chưa/đang xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật GDĐT.

<sup>17</sup> Hỗ trợ cơ sở vật chất 01 lần, tối thiểu 20 triệu đồng đối với các nhóm lớp có tối thiểu 30% con công nhân làm việc ở KCN.

học, nhà vệ sinh, công trình nước sạch, bổ sung trang thiết bị dạy học...Cơ sở vật chất tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục có con em công nhân được cải thiện đáng kể.

### **3. Thực hiện chính sách đối với trẻ em mầm non**

#### *a) Chính sách hỗ trợ ăn trưa trẻ cho trẻ em mẫu giáo (Điều 7)*

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định, trẻ mẫu giáo thuộc đối tượng khó khăn<sup>18</sup> được hỗ trợ ăn trưa với mức 160.000 đ/trẻ/tháng. Tiếp nối việc thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa theo quy định tại Nghị định số 06/2018/NĐ-CP, các địa phương đã chỉ đạo các cơ sở GDMN thực hiện đúng, đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ. Tính đến hết năm học 2021-2022, theo tổng hợp số liệu báo cáo từ 63 tỉnh, thành phố, có 995.821 lượt trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa với kinh phí hơn 1.170 tỷ đồng.

Số trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ đa số học tại các cơ sở GDMN công lập ở địa bàn thôn, xã đặc biệt khó khăn (chiếm hơn 69%) và trẻ là con hộ nghèo, cận nghèo (chiếm hơn 20%). Chính sách đã góp phần giúp trẻ mầm non có bữa ăn trưa tại trường, góp phần tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường, duy trì tỷ lệ chuyên cần, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng, tạo tiền đề tốt cho trẻ bước vào lớp 1 và góp phần tổ chức tốt công tác bán trú tại cơ sở GDMN (*Chi tiết tại Phụ lục 2, 3*).

#### *b) Chính sách hỗ trợ trẻ em học tại các cơ sở GDMN ngoài công lập là con công nhân làm việc trong KCN (Điều 8)*

Theo quy định tại Nghị định, mức hỗ trợ cụ thể do địa phương quy định, tối thiểu là 160.000 đ/trẻ/tháng. Tính đến hết tháng 9/2022, đã có 40 tỉnh/thành phố ban hành Nghị quyết HĐND quy định mức hỗ trợ cụ thể đối với trẻ em, trong đó có 05 tỉnh ban hành mức hỗ trợ cao hơn so với quy định<sup>19</sup>.

Theo theo tổng hợp số liệu báo cáo từ 40 tỉnh đã ban hành chính sách, có khoảng hơn 86.000 trẻ em thuộc đối tượng nhận hỗ trợ. Số tiền mà các địa phương đã chi trả khoảng 600 tỷ đồng. Trong điều kiện các cơ sở GDMN công lập không đáp ứng đủ nhu cầu gửi trẻ của công nhân, kinh phí hỗ trợ giúp cha mẹ trẻ là công nhân có thêm phần chi phí để lựa chọn gửi trẻ ở những cơ sở GDMN ngoài công lập bảo đảm chất lượng cũng như các điều kiện về an toàn đối với trẻ (*Chi tiết tại Phụ lục 4*).

### **4. Chính sách đối với giáo viên mầm non**

<sup>18</sup> ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, trẻ mồ côi, trẻ là con hộ nghèo, cận nghèo, trẻ khuyết tật học hoà nhập, trẻ con thương binh, liệt sĩ

<sup>19</sup> Hà Nội, Bà Rịa Vũng Tàu: 240.000 đồng/trẻ/tháng; Vĩnh Phúc 220.000 đồng/trẻ/tháng; Hải Phòng, Đà Nẵng: 200.000 đồng/trẻ/tháng

*a) Chính sách hỗ trợ GVMN dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số (Điều 9).*

Thực hiện quy định tại Nghị định số 105, tiếp nối quy định tại Nghị định số 06/2018/NĐ-CP, hàng năm các đơn vị đã tổng hợp danh sách giáo viên theo đúng đối tượng, lập dự toán và trình HĐND cấp tỉnh duyệt phê duyệt dự toán ngân sách nhà nước và thực hiện việc cho trả theo đúng quy định.

Tính đến hết năm học 2021-2022, toàn quốc có 28.837 GV được hưởng chính sách đối với GVMN dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số, tổng kinh phí đã thực hiện gần 561 tỷ đồng; trong đó số GVMN dạy lớp ghép 2 -3 tuổi là 9.578 người, GV dạy lớp ghép 3 độ tuổi trở lên là 7.478 cả hai đối tượng này chiếm 65.1% so với toàn quốc; Số GVMN dạy tăng cường Tiếng Việt là 12.718 (*Chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo*).

*b) Chính sách hỗ trợ kinh phí tổ chức nấu ăn cho trẻ em đối với cơ sở GDMN công lập ở địa bàn khó khăn (Điều 5)*

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định, Sở GDĐT các tỉnh, thành phố đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các phòng GDĐT cấp huyện lập dự toán ngân sách để thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ đối với các trường mầm non công lập xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, xã thuộc vùng khó khăn và hướng dẫn quy trình, thủ tục đầy đủ về việc đề nghị hỗ trợ kinh phí theo quy định. Một số tỉnh, thành phố đã có chính sách hỗ trợ nhân viên nấu ăn trước khi có Nghị định 105 hoặc mở rộng đối tượng và mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định<sup>20</sup>. Tính đến hết năm học 2021-2022, toàn quốc có 2.272 trường MN đủ điều kiện được hỗ trợ chính sách, số kinh phí đã thực hiện là 157,9 tỷ đồng (*Phụ lục 6*).

Cùng với chính sách hỗ trợ ăn trưa, chính sách hỗ trợ nhân viên nấu ăn ở vùng khó khăn đã tạo điều kiện để trẻ em có bữa ăn trưa tại trường. Bên cạnh đó, nhiều cơ sở GDMN đã huy động thêm sự đóng góp của phụ huynh và các ban ngành, đoàn thể (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) tăng gia sản xuất, trồng rau sạch, đóng góp trứng, thịt, gạo, củi, hỗ trợ ngày công nấu ăn... để nâng cao chất lượng ăn bán trú cho trẻ tại trường. Chính sách này đã tác động sâu sắc đối với việc phát triển GDMN nói chung cũng như trẻ em vùng khó khăn, vùng núi cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần tăng tỉ lệ huy động trẻ đến trường và tỉ lệ chuyên cần; nâng tỉ lệ trẻ được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 2 buổi/ngày, từ đó giảm tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

---

<sup>20</sup> Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh...

*c) Chính sách đối với GVMN làm việc tại cơ sở GDMN dân lập, tư thục ở địa bàn có KCN (Điều 10) và chính sách hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn đối với GVMN dân lập, tư thục (Điều 11).*

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định, HĐND tỉnh ban hành mức hỗ trợ tối thiểu đối với GVMN làm việc tại cơ sở GDMN dân lập, tư thục ở địa bàn có KCN có chăm sóc từ 30% trở lên trẻ là con công nhân, mức hỗ trợ tối thiểu là 800.000 đ/người/tháng. Đến nay đã có 40 tỉnh, thành phố ban hành Nghị quyết<sup>21</sup>, trong đó 38 tỉnh, thành phố có mức hỗ trợ bằng mức quy định tại Nghị định, 02 thành phố là Hà Nội và Hải Phòng có mức hỗ trợ cao hơn<sup>22</sup>.

Theo thống kê của 40 tỉnh, thành phố đã ban hành chính sách, có 4.666 GVMN đủ điều kiện được nhận hỗ trợ, trong đó 1.673 người công tác tại trường MN tư thục và 2.993 người công tác tại cơ sở GDMN độc lập ngoài công lập ở địa bàn có KCN. Số kinh phí đã thực hiện hỗ trợ là hơn 1,2 tỷ đồng. Hiện nay, các đơn vị đang thực hiện việc cho trả chính sách đối với giáo viên trong học kỳ II năm học 2021-2022.

Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 105, việc thực hiện chính sách hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn đối với GVMN dân lập, tư thục đã được các Sở GDĐT quan tâm chỉ đạo. Phần lớn các Sở GDĐT đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định hiện hành. GVMN công tác tại các cơ sở GDMN ngoài công lập được tham gia các nội dung bồi dưỡng, tập huấn chuyên đề theo năm học tại các quận, huyện; được cung cấp đầy đủ hệ thống văn bản, tài liệu liên quan đến công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Việc hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn được các Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

#### **IV. Khó khăn, hạn chế**

##### **1. Công tác quản lý chỉ đạo**

Việc tham mưu ban hành văn bản quy định mức hỗ trợ cụ thể theo thẩm quyền (chính sách GDMN KCN và việc thu phí dịch vụ hỗ trợ không sử dụng ngân sách nhà nước...) ở một số địa phương vẫn còn chậm. Đến nay, sau 02 năm Nghị định được ban hành, vẫn còn một số tỉnh chưa ban hành Nghị quyết HĐND quy định việc thực hiện chính sách địa phương<sup>23</sup>. Vẫn còn hơn 20 tỉnh chưa ban hành Nghị quyết HĐND quy định mức hỗ trợ cụ thể đối với trẻ em và GVMN tại cơ sở GDMN ngoài công lập ở địa bàn có KCN (tại Điều 8, Điều 10).

Nguyên nhân: Công tác tham mưu của các đơn vị chức năng còn chưa quyết liệt; một số địa phương dự kiến ban hành cùng Đề án phát triển GDMN ngoài công

<sup>21</sup> Hà Nội ban hành tháng 12/2020, các tỉnh, thành phố còn lại ban hành trong năm 2021

<sup>22</sup> Hà Nội: 1.200.000đ/người/tháng, Hải Phòng: 1.000.000đ/người/tháng

<sup>23</sup> 8 tỉnh: Cao Bằng, Sơn La, Quảng Bình, Đắk Lắk, Long An, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu.

lập; một số tỉnh có KCN được thành lập nhưng không có đối tượng thụ hưởng (không có trẻ là con công nhân học tại cơ sở GDMN ngoài công lập; không có cơ sở GDMN ngoài công lập ở địa bàn có KCN...<sup>24</sup>). Một số đơn vị chưa đánh giá đúng, đủ về đối tượng hỗ trợ (trẻ em học tại cơ sở GDMN ngoài công lập trên địa bàn, có cha mẹ là công nhân làm ở địa bàn khác vẫn thuộc đối tượng được hỗ trợ...)

## **2. Công tác quy hoạch và đầu tư phát triển GDMN**

Công tác quy hoạch và phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non tại nhiều địa phương chưa theo kịp nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và nhu cầu đưa trẻ đến trường của nhân dân; còn thiếu trường/lớp mầm non ở khu đô thị, khu đông dân cư, KCN do việc phát triển nóng về công nghiệp và dịch vụ; một số địa phương còn nhiều phòng học nhờ, phòng học tạm, mượn.

Cơ chế khuyến khích đầu tư, cơ chế hỗ trợ cho phát triển các cơ sở GDMN ngoài công lập tại đa số địa phương còn nhiều bất cập; nhiều địa phương không đủ khả năng để tạo quỹ đất sạch giao cho các nhà đầu tư; trình tự, thủ tục giao đất, vay vốn cũng như trình tự, thủ tục thành lập trường và đăng ký hoạt động còn nhiều khó khăn, vướng mắc.

Đầu tư cho GDMN còn chưa đáp ứng yêu cầu, chủ yếu phụ thuộc vào nguồn ngân sách hạn hẹp của nhà nước và mới tập trung cho các cơ sở GDMN công lập.

Việc thực hiện quy định cho tổ chức, cá nhân thuê cơ sở vật chất hiện có của nhà nước làm cơ sở GDMN ngoài công lập với mức phí ưu đãi hoặc sử dụng ngân sách nhà nước xây dựng cơ sở vật chất cho thuê để thành lập các cơ sở GDMN ngoài công lập để bảo đảm trường, lớp mầm non phục vụ con công nhân ở địa bàn có KCN<sup>25</sup> khó thực hiện. Công tác huy động các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển GDMN ở khu vực có KCN ở một số địa phương còn hạn chế; số cơ sở GDMN phục vụ con công nhân được thành lập bởi các doanh nghiệp sử dụng lao động vẫn còn ít.

## **3. Chính sách đối với trẻ em**

Do điều kiện ngân sách nhà nước còn khó khăn, mức hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo còn thấp, chưa có chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ nhà trẻ;

Việc chi trả kinh phí hỗ trợ trẻ em và GVMN năm học 2021-2022 còn chưa bảo đảm thời gian theo quy định. Nguyên nhân là do các cơ sở GDMN tạm dừng hoạt động để phòng chống dịch Covid-19 vào học kỳ II năm học 2020-2021 và học kỳ I năm học 2021-2022. Trong khi đó, theo quy định, chính sách hỗ trợ được thực hiện theo thời gian thực học của trẻ tại cơ sở GDMN. Đa số các tỉnh trẻ quay trở lại

<sup>24</sup> Theo báo cáo của các địa phương

<sup>25</sup> Theo chỉ đạo của Thủ tướng tại Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 22/5/2015 về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề trường, lớp mầm non ở các KCN, KCX

học trực tiếp vào tháng 3-4/2022, các cơ sở GDMN mới tiến hành thủ tục hồ sơ đề trình cấp có thẩm quyền cấp kinh phí. Do đó, việc duyệt dự toán ngân sách bị chậm so với quy định. Hiện nay, các đơn vị đang tích cực thực hiện việc chi trả chính sách.

#### **4. Về đội ngũ**

Mức hỗ trợ chính sách đối với GVMN vẫn còn thấp; thu nhập của GVMN, đặc biệt là GV ngoài biên chế, nhân viên nuôi dưỡng hiện nay còn thấp so với mặt bằng chung của xã hội, chưa tương xứng với cường độ lao động cao và tính chất công việc yêu cầu cao về tinh thần trách nhiệm và chuyên môn, nghiệp vụ. Nhiều địa phương không đủ nguồn lực để bảo đảm đầy đủ chế độ, chính sách đối với GVMN, nhất là GVMN ngoài biên chế và đội ngũ nhân viên nuôi dưỡng.

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ GVMN tại các cơ sở GDMN ngoài công lập ở địa bàn KCN gặp một số khó khăn do GV thường xuyên thay đổi, không ổn định, khó khăn trong việc tổng hợp số liệu cho việc thu thập hồ sơ đề nghị hưởng chính sách; GVMN có bằng Trung cấp sư phạm dạy tại nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có trên 30% con công nhân (chính sách tại Điều 10 đối với GVMN làm việc tại cơ sở GDMN ngoài công lập ở địa bàn có KCN) tại một số địa phương chưa được hưởng chính sách của tỉnh do địa phương áp dụng quy định tại Luật Giáo dục năm 2019, GVMN phải đạt chuẩn trình độ đào tạo Cao đẳng sư phạm.

### **V. Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới**

#### **1. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về GDMN để tham mưu và quy định theo thẩm quyền bổ sung những vấn đề mới, đáp ứng yêu cầu phát triển GDMN.

- Tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo (3 - 4 tuổi) và nâng cao chất lượng Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2023 - 2030” và Đề án “Hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030”.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về GDMN; tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về GDMN trong đó có Nghị định số 105; ban hành và tham mưu ban hành các văn bản tháo gỡ khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện chính sách.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ nhà giáo, nâng cao năng lực chuyên môn, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương đối với trẻ thông qua các Chương trình, Đề án và xây dựng nguồn tài liệu trực tuyến để các địa phương khai thác, sử dụng.



- Tăng cường công tác phối hợp liên ngành (Bộ Lao động, Thương binh, Xã hội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam...) để tuyên truyền, phổ biến kiến thức về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, vận động các tổ chức tham gia hỗ trợ phát triển GDMN.

## **2. Địa phương**

- Quán triệt và thực hiện nghiêm túc, kịp thời các chủ trương, chính sách, các quy định về quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm việc phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngành. Tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý đối với các cơ sở GDMN, nhất là các cơ sở GDMN ngoài công lập.

- Đối với các địa phương chưa ban hành Nghị quyết HĐND theo thẩm quyền, Ngành giáo dục tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu thực hiện đúng, đủ các quy định tại Nghị định số 105; đặc biệt tham mưu UBND cấp tỉnh trình HĐND ban hành danh mục dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy định khung giá và mức giá dịch vụ trong cơ sở GDMN công lập.

- Quan tâm, bố trí dành quỹ đất xây dựng cơ sở GDMN trong kế hoạch sử dụng đất đai của địa phương, đặc biệt là địa bàn có KCN, KCX; có chính sách phù hợp để đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hoá giáo dục nhằm huy động các nguồn lực trong xã hội tham gia phát triển GDMN; tăng cường công tác quản lý và có chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với các cơ sở GDMN ngoài công lập để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở khu vực này.

- Ngành Giáo dục phối hợp với các sở, ngành liên quan chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và GVMN và các chính sách hỗ trợ GDMN ở khu vực có KCN theo quy định tại Nghị định số 105 và Nghị định số 145.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về thực hiện chính sách và công tác quản lý cơ sở GDMN, đặc biệt là các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, bảo đảm môi trường chăm sóc, giáo dục trẻ lành mạnh, thân thiện và an toàn.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng báo cáo./.

**Phụ lục 1**

**Tổng hợp tình hình ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh, thành phố theo thẩm quyền**

<b>TT</b>	<b>Tỉnh/thành phố</b>	<b>Tổng số tỉnh đã ban hành</b>	<b>CS cho trẻ con CN (Đ8-NĐ 105)</b>	<b>CS GV NCN (Đ10-NĐ 105)</b>	<b>DV công (Khoản 3 Đ6 NĐ 105; Đ7 NĐ 124/2021)</b>	<b>CS bổ sung/ quy định mức cao hơn</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Toàn Quốc</b>	<b>55</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>34</b>	<b>9</b>	
1	Hà Nội	1	1	1		1	CS KCN: Hỗ trợ con CN 240.000 đ/tháng; GV 1,2 triệu/tháng
2	Vĩnh Phúc	1	1	1	1	1	CS KCN: Hỗ trợ con CN 220.000 đ/tháng
3	Bắc Ninh	1	1	1			
4	Quảng Ninh	1			1		
5	Hải Dương	1	1	1			
6	Hải Phòng	1	1	1	1	1	CS KCN: Hỗ trợ con CN 200.000 đ/tháng; GV 1 triệu đ/tháng
7	Hung Yên	1	1	1			
8	Thái Bình	1			1		
9	Hà Nam	1	1	1	1		
10	Nam Định	1			1		
11	Ninh Bình	1	1	1	1		

<b>TT</b>	<b>Tỉnh/thành phố</b>	<b>Tổng số tỉnh đã ban hành</b>	<b>CS cho trẻ con CN (Đ8-ND 105)</b>	<b>CS GV NCN (Đ10-ND 105)</b>	<b>DV công (Khoản 3 Đ6 ND 105; Đ7 ND 124/2021)</b>	<b>CS bổ sung/ quy định mức cao hơn</b>	<b>Ghi chú</b>
12	Hà Giang	1			1		
13	Cao Bằng						Đang XD quy định dịch vụ công và trình tại kỳ họp cuối năm 2022
14	Bắc Kạn	1			1		
15	Tuyên Quang	1	1	1	1	1	Ăn trưa cho trẻ nhà trẻ
16	Lào Cai	1	1	1	1	1	Ăn trưa cho trẻ nhà trẻ 24-36 tháng
17	Yên Bái	1			1		
18	Thái Nguyên	1	1	1			
19	Lạng Sơn	1			1		
20	Bắc Giang	1	1	1	1	1	CS KCN: mở rộng cụm công nghiệp
21	Phú Thọ	1	1	1	1		
22	Điện Biên	1			1		
23	Lai Châu	1			1		

<b>TT</b>	<b>Tỉnh/thành phố</b>	<b>Tổng số tỉnh đã ban hành</b>	<b>CS cho trẻ con CN (Đ8-ND 105)</b>	<b>CS GV NCN (Đ10-ND 105)</b>	<b>DV công (Khoản 3 Đ6 ND 105; Đ7 ND 124/2021)</b>	<b>CS bổ sung/ quy định mức cao hơn</b>	<b>Ghi chú</b>
24	Sơn La						
25	Hòa Bình	1	1	1	1		
26	Thanh Hóa	1			1		
27	Nghệ An	1	1	1	1		
28	Hà Tĩnh	1	1	1			
29	Quảng Bình						
30	Quảng Trị	1			1		
31	TT-Huế	1	1	1	1		
32	Đà Nẵng	1	1	1		1	CS KCN: Hỗ trợ con CN 200.000 đ/tháng
33	Quảng Nam	1	1	1		1	CS KCN: mở rộng cụm công nghiệp
34	Quảng Ngãi	1	1	1			
35	Bình Định	1			1		
36	Phú Yên	1	1	1	1		

<b>TT</b>	<b>Tỉnh/thành phố</b>	<b>Tổng số tỉnh đã ban hành</b>	<b>CS cho trẻ con CN (Đ8-ND 105)</b>	<b>CS GV NCN (Đ10-ND 105)</b>	<b>DV công (Khoản 3 Đ6 ND 105; Đ7 ND 124/2021)</b>	<b>CS bổ sung/ quy định mức cao hơn</b>	<b>Ghi chú</b>
37	Khánh Hòa	1	1	1			
38	Ninh Thuận	1	1	1			
39	Bình Thuận	1	1	1			
40	Kon Tum	1	1	1	1		
41	Gia Lai	1	1	1			
42	Đắk Lắk						
43	Đắk Nông	1	1	1			
44	Lâm Đồng	1			1		
45	Bình Phước	1	1	1			
46	Tây Ninh	1	1	1	1		
47	Bình Dương	1	1	1			CS KCN: mở rộng cụm công nghiệp
48	Đồng Nai	1	1	1	1		

<b>TT</b>	<b>Tỉnh/thành phố</b>	<b>Tổng số tỉnh đã ban hành</b>	<b>CS cho trẻ con CN (Đ8-NĐ 105)</b>	<b>CS GV NCN (Đ10-NĐ 105)</b>	<b>DV công (Khoản 3 Đ6 NĐ 105; Đ7 NĐ 124/2021)</b>	<b>CS bổ sung/ quy định mức cao hơn</b>	<b>Ghi chú</b>
49	BR-Vũng Tàu	1	1	1	1	1	CS KCN: Hỗ trợ con CN 240.000 đ/tháng
50	Hồ Chí Minh	1	1	1			
51	Long An						Đang trong quá trình xây dựng
52	Tiền Giang	1	1	1	1		
53	Bến Tre	1	1	1	1		
54	Trà Vinh	1	1	1			
55	Vĩnh Long	1	1	1	1		
56	Đồng Tháp	1	1	1			
57	An Giang	1			1		
58	Kiên Giang						NQ HĐND số 84/2021 Phê duyệt danh mục dịch vụ nhưng chưa quy định mức thu
59	Cần Thơ	1	1	1			

<b>TT</b>	<b>Tỉnh/thành phố</b>	<b>Tổng số tỉnh đã ban hành</b>	<b>CS cho trẻ con CN (Đ8-ND 105)</b>	<b>CS GV NCN (Đ10-ND 105)</b>	<b>DV công (Khoản 3 Đ6 ND 105; Đ7 ND 124/2021)</b>	<b>CS bổ sung/ quy định mức cao hơn</b>	<b>Ghi chú</b>
60	Hậu Giang	1	1	1			
61	Sóc Trăng						
62	Bạc Liêu						Theo b/c ko có đối tượng chính sách KCN
63	Cà Mau	1			1		

## Phụ lục 2

### Biểu tổng hợp số trẻ mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa

TT	Tên đơn vị	Tổng số trẻ được hỗ trợ (trẻ)	Chia ra				Tổng kinh phí (ngàn đồng)
			Trẻ công lập	Tỷ lệ %	Trẻ ngoài công lập	Tỷ lệ %	
	<b>Toàn Quốc</b>	<b>995,821</b>	<b>949,760</b>	<b>95.4</b>	<b>46,061</b>	<b>4.6</b>	<b>1,170,884,657</b>
V1	Đồng bằng Sông Hồng	<b>29,535</b>	27,888	94.4	1,647	5.6	10,300,105
V2	Miền núi phía Bắc	<b>479,228</b>	437,260	91.2	41,968	8.8	488,532,329
V3	Bắc Trung Bộ và Duyên hải MT	<b>304,364</b>	303,525	99.7	839	0.3	521,291,783
V4	Tây Nguyên	<b>116,805</b>	115,783	99.1	1,022	0.9	100,741,843
V5	Đông Nam Bộ	<b>3,660</b>	3,543	96.8	117	3.2	4,082,950
V6	Đồng bằng Sông Cửu Long	<b>62,229</b>	61,761	99.2	468	0.8	45,935,648



### Phụ lục 3

**Biểu tổng hợp số trẻ mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa – chia theo đối tượng**

	Tên đơn vị	Tổng số trẻ được hỗ trợ (trẻ)	Chia ra									
			Trẻ ở thôn/xã ĐBKK	Tỷ lệ %	Trẻ mồ côi, không nơi nương tựa	Tỷ lệ %	Trẻ hộ nghèo/cận nghèo	Tỷ lệ %	Con thương binh, liệt sỹ...	Tỷ lệ %	Trẻ khuyết tật học hòa nhập	Tỷ lệ %
	<b>Toàn Quốc</b>	<b>995,821</b>	692,757	69.6	40,670	4.08	203,610	20.4	879	0.09	8,965	0.90
V1	Đồng bằng Sông Hồng	29,535	5,994	20.3	6,879	23.3	14,068	47.6	185	0.63	724	2.45
V2	Miền núi phía Bắc	479,228	341,796	71.3	32,595	6.80	74,867	15.6	309	0.06	6,685	1.39
V3	Bắc Trung Bộ và Duyên hải MT	304,364	223,905	73.6	354	0.12	65,615	21.6	264	0.09	1,166	0.38
V4	Tây Nguyên	116,805	76,817	65.8	647	0.55	28,138	24.1	83	0.07	192	0.16
V5	Đông Nam Bộ	3,660	1,875	51.2	41	1.12	1,624	44.4	15	0.41	58	1.58
V6	Đồng bằng Sông Cửu Long	62,229	42,370	68.1	154	0.25	19,298	31.0	23	0.04	140	0.22

**Phụ lục 4**  
**Biểu tổng hợp số liệu chính sách trợ cấp trẻ là con công nhân học**  
**tại cơ sở GDMN ngoài công lập**

TT	Tên đơn vị	Số tỉnh đã ban hành chính sách	Số trẻ được hỗ trợ (trẻ)	Số tỉnh đã chi trả	Số tiền đã chi trả (ngàn đồng)
	<b>Toàn Quốc</b>	<b>40</b>	<b>86,392</b>	<b>21</b>	<b>600,273,251</b>
V1	Đồng bằng Sông Hồng	8	15,538	6	11,706,822
V2	Miền núi phía Bắc	6	6,628	3	1,481,040
V3	Bắc Trung Bộ và Duyên hải MT	10	6,327	5	1,826,864
V4	Tây Nguyên	3	109	2	5,769,760
V5	Đông Nam Bộ	6	56,985	4	579,317,360
V6	Đồng bằng Sông Cửu Long	7	805	1	171,405

**Phụ lục 5**  
**Biểu tổng hợp chính sách giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường tiếng Việt**

T T	Tên đơn vị	Tổng số GV được hưởng chính sách	Số GVMN dạy lớp ghép (người)		Số GVMN dạy tăng cường Tiếng Việt (người)	Số kinh phí đã thực hiện (triệu đồng)
			dạy lớp ghép 2 - 3 tuổi	dạy lớp ghép 3 độ tuổi trở lên		
	<b>Toàn quốc</b>	<b>28.837</b>	<b>9.578</b>	<b>7.478</b>	<b>12.718</b>	<b>560.733.102</b>
V1	ĐB Sông Hồng	207	49	83	75	771
V2	Miền núi phía Bắc	18.780	6.111	5.704	7.253	31.189.612
V3	Bắc Trung Bộ	5.292	1.443	901	2.844	13.130.840
V4	Tây Nguyên	3.831	1.197	768	2.001	216.919.508
V5	Đông Nam Bộ	109	7	10	92	293
V6	ĐB Sông Cửu Long	618	771	12	453	299.492.077

**Phụ lục 5**  
**Biểu tổng hợp số liệu chính sách hỗ trợ nấu ăn đối với cơ sở GDMN công lập ở xã đặc biệt khó khăn**

TT	Tên đơn vị	Số trường MN được hỗ trợ	Số kinh phí đã thực hiện
		(trường)	(Ngàn đồng)
	<b>Toàn quốc</b>	<b>2.272</b>	<b>157.903.127</b>
V1	Đồng bằng Sông Hồng	354	89.794
V2	Miền núi phía Bắc	1.431	83.504.707
V3	Bắc Trung Bộ và Duyên hải MT	352	15.007.502
V4	Tây Nguyên	103	59.149.976
V5	Đông Nam Bộ	8	142
V6	Đồng bằng Sông Cửu Long	24	151.006

**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**Về Thực hiện chính sách đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục  
 mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh**

---

*Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh*

**I. Khái quát về tình hình kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh**

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc Trung ương, có tổng diện tích 2.095,239 km<sup>2</sup>, gồm chia làm 18 quận, 1 thành phố và 5 huyện, với dân số trên 10 triệu dân, hàng năm duy trì tốc độ phát triển kinh tế khoảng 8 % hàng năm; tổng sản phẩm nội địa (GRDP) trên địa bàn năm 2021 đạt xấp xỉ 1,299 triệu tỷ đồng, giảm 6,78% so với cùng kỳ năm trước, dự kiến trong năm 2022 tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa trên địa bàn thành phố (GRDP) dự kiến từ 6% - 6,5%. Trong năm nay, Thành phố tập trung thực hiện nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội: tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng chống dịch covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết 128 của Chính phủ về quy định tạm thời “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch Covid-19”.

Mạng lưới trường lớp ở các cấp học, bậc học đã được phủ khắp 322 phường (xã), 21 quận huyện và thành phố Thủ Đức với quy mô phát triển ngày một tăng. Trong hai năm qua, công tác đầu tư xây dựng trường lớp phục vụ cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo tại thành phố Hồ Chí Minh đã luôn được chú trọng, nhằm thực hiện đầu tư CSVC của ngành, từng bước đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời thực hiện nền giáo dục thông minh gắn với kế hoạch xây dựng thành phố thông minh đến năm 2025 của thành phố.

Trong hai năm qua, tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội đều oằn mình trước cơn dịch Covid – 19, gây nhiều ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển chung, trong đó có ngành giáo dục và đào tạo Thành phố nói chung và ngành giáo dục mầm non nói riêng.

## **II. Các Văn bản pháp lý, chỉ đạo về xây dựng trường lớp Thành phố Hồ Chí Minh**

Quyết định số 2631/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 27-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn thành phố;

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội 5 năm 2021-2025 của Thành phố;

Kế hoạch số 1309/KH-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025;

Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị định 105/2020/NĐ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2019-2025.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 3624/KH-UBND về triển khai thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## **III. Các giải pháp và kết quả thực hiện tại địa phương**

Ngành Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm cụ thể hóa các chính sách về đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non:

**Bố trí quỹ đất trong kế hoạch sử dụng đất đai của địa phương để xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư nguồn lực, tỷ lệ phòng học/nhóm...**

Nội dung	<i>Năm học 2021-2022 (Số liệu tính đến 12/7/2022)</i>		
	Tổng cộng	Trong đó:	
		Công lập	Dân lập – Tư thực
Số trường	1.309	465	844
Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập	1.582	0	1.582
Số lớp	14.052	5.116	8.936
Số trẻ	292.684	134.743	157.941
Giáo viên	25.114	10.535	14.579
Phòng học	15.112	5.621	9.491

**Ngoài ra còn thực hiện nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch, bố trí quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non, đặc biệt tại các địa bàn đông dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, tiếp tục phát triển các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực để giảm áp lực cho các trường mầm non công lập:**

Thành phố Hồ Chí Minh có 16 khu chế xuất, khu công nghiệp đang hoạt động tập trung tại Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện gồm Quận 7, Quận 12, Quận Tân Phú, Quận Bình Tân, Huyện Củ Chi, Huyện Bình Chánh, Huyện Nhà Bè), quy mô giáo dục mầm non tại Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện có khu chế xuất, khu công nghiệp cụ thể như sau:

- + Tổng số trường mầm non: 1.708 trường (công lập: 214, Dân lập-tư thực: 562);
- + Nhóm, lớp độc lập tư thực: 1.177 nhóm, lớp.
- + Tổng số lớp học: 8.563 lớp (công lập: 2.380, Dân lập-tư thực: 6.183);
- + Tổng số học sinh: 14.638 học sinh (công lập: 6.094, Dân lập-tư thực: 8.544);

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 22/05/2015 về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề trường, lớp mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, thời gian qua, Thành phố đã đẩy mạnh việc đầu tư, ưu tiên bố trí triển khai thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch mạng lưới cho phát triển giáo dục, đào tạo mầm non ở các khu vực bên trong và liền kề khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố, trong đó bố trí đủ diện tích đất để xây dựng trường, lớp đúng với tiêu chí của ngành

Giáo dục và Đào tạo, dồn ghép các điểm trường, cơ sở giáo dục nhỏ lẻ hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất để hướng đến đạt chuẩn.

Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh hiện có 16 khu chế xuất, khu công nghiệp đang hoạt động, đến nay có 24 trường mầm non ở vị trí liền kề và bên trong khuôn viên các khu chế xuất, khu công nghiệp đã được xây dựng và đưa vào hoạt động phục vụ việc giữ trẻ là con công nhân đang làm việc trong các khu chế xuất, khu công nghiệp và cả trẻ em của các hộ dân địa phương, cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu gửi con cho con em công nhân và người lao động tại các khu công nghiệp và khu chế xuất.

Kinh phí hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên của trường mầm non trên địa bàn thành phố theo Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐND ngày 14/6/2014 và Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021:

- Năm 2021: 237.688.026.000 đồng.
- Năm 2022: 226.335.082.000 đồng

Kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ và thu hút giáo viên mầm non công lập theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 và Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021:

- Năm 2021: 202.786.300.000 đồng.
- Năm 2022: 190.017.090.000 đồng.

**Rà soát, sắp xếp mạng lưới GDMN theo tinh thần Nghị quyết 19/NQ-TW và Công văn 3712/BGDĐT-CSVC ngày 28/8/2018, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, các phương án sắp xếp phù hợp quy định và quy mô phát triển, không sát nhập các trường mầm non vào các trường phổ thông; đảm bảo quyền lợi đến trường của trẻ em; đảm bảo mỗi xã, phường có ít nhất 1 trường mầm non công lập.**

Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện khá tốt công tác quy hoạch mạng lưới trường học, mạng lưới trường học phủ khắp 312 phường, xã trên địa bàn Thành phố ở tất cả các ngành học, cấp học, bậc học, đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập của con em nhân dân thành phố kể cả các đối tượng vắng lai, không có hộ khẩu thường trú tại Thành phố.

Căn cứ trên thực tế qui mô của các đơn vị, đã tiến hành rà soát và sắp xếp lại các đơn vị có qui mô chưa phù hợp. Cụ thể: ngành học Mầm non đã sắp xếp, sát

nhập thành 17 trường mới từ 32 điểm trường có qui mô nhỏ, dự kiến sắp tới sẽ tiếp tục sát nhập thêm 11 trường.

Hiện nay trên địa bàn Thành phố không thực hiện việc sát nhập trường mầm non vào trường phổ thông, hầu hết các trường mầm non đều được đảm bảo khuôn viên độc lập theo Điều lệ trường, mỗi xã phường đều có ít nhất 1 trường mầm non công lập, bên cạnh đó nhiều trường mầm non tư thục, dân lập và nhóm trẻ cũng được phát triển nhằm giảm tải áp lực cho các trường công lập.

**Lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện chương trình giáo dục mầm non, phổ thông giai đoạn 2018-2025”**

Trong năm học 2021-2022, trên địa bàn Thành phố hoàn thành đưa vào sử dụng 18 dự án xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng cơ sở giáo dục mầm non công lập với tổng kinh phí là 630.872 triệu đồng, với số phòng học mới đưa vào sử dụng là 205 phòng học (trong đó tăng thêm 113 phòng học).

Công tác sửa chữa, mua sắm trang bị cơ sở vật chất - đồ dùng dạy học luôn được các cấp quan tâm. Trong năm học 2021-2022, tổng kinh phí chi thực hiện mua sắm, sửa chữa nhỏ là 172.104 triệu đồng, cụ thể:

- Kinh phí thực hiện mua sắm: 38.611 triệu đồng.
- Kinh phí thực hiện sửa chữa nhỏ: 133.493 triệu đồng.

Để chuẩn bị cho năm học mới năm học 2022-2023, Thành phố dự kiến chi khoảng 129.866 triệu đồng để Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thực hiện sửa chữa, mua sắm trang thiết bị trong hè cho các cơ sở giáo dục mầm non. Cụ thể:

- Kinh phí thực hiện mua sắm: 38.833 triệu đồng.
- Kinh phí thực hiện sửa chữa nhỏ: 91.034 triệu đồng.

**Chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non, thu hút xã hội hóa:** Thực hiện các chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển GDMN theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP và NQ số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển GDĐT giai đoạn 2019-2025.

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non. Ngày 02 tháng 11 năm 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 3624/KH-UBND về triển khai thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020



của Chính phủ về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 2025/SGDĐT-GDMN về góp ý Dự thảo tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh gửi các Sở ban ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận /huyện.

Căn cứ ý kiến góp ý của các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Lãnh đạo Thành phố ban hành các Nghị quyết tiêu biểu của Hội đồng nhân dân Thành phố: Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 về hỗ trợ giáo dục mầm non thành phố, Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 kéo dài chính sách hỗ trợ cho giáo viên mới ra trường; Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 về chính sách thu hút giáo viên mầm non trên địa bàn thành phố.

Trong giai đoạn khó khăn về việc giải quyết chỗ học mầm non cho con em trên địa bàn Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tháo gỡ khó khăn trên bằng nhiều giải pháp. Trong đó, tham mưu cho lãnh đạo Thành phố ban hành Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về Chương trình huy động vốn, cho vay đầu tư xây dựng trường mầm non công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Chương trình 41); đã phê duyệt 86 dự án xây dựng trường mầm non công lập tham gia Chương trình 41 tại Quyết định số 6483/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 4541/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2015. Trong đó, có 79 dự án đã khởi công thực hiện, 02 dự án tạm ngưng thực hiện, 01 dự án ngừng thực hiện và 04 dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương chuyển sang đầu tư từ nguồn ngân sách thành phố (Đưa vào sử dụng với tổng số 1.063 phòng học, tổng mức đầu tư bao gồm lãi vay là 4.264,940 triệu đồng).

Nhằm tháo gỡ và hỗ trợ các doanh nghiệp gặp khó khăn sau dịch dẫn đến giải thể, phá sản hoặc chuyển địa điểm để tìm các cơ sở phù hợp với khả năng tài chính nhưng vướng phải các điều kiện không phù hợp với chức năng theo quy định. Do trên thực tế đa số các trường ngoài công lập hiện nay do các chủ đầu tư thuê lại nhà - đất (với mục đích sử dụng đất chủ yếu là khu đất làm nhà ở và mục đích sử dụng đất khác) của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để xây dựng mới, cải tạo nâng cấp thành trường học, nên chủ đầu tư không có đủ quyền sử dụng đất để thực hiện nộp hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất. Đa số chủ sử dụng khu đất

không muốn điều chỉnh quy hoạch và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất làm nhà ở, đất khác thành đất giáo dục, do ảnh hưởng đến giá trị cũng như chức năng sử dụng thửa đất sau khi không sử dụng cho mục đích giáo dục; Sở Giáo dục và Đào tạo có công văn 941/SGDĐT-KHTC ngày 30 tháng 3 năm 2022 trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét tháo gỡ, giải quyết các vấn đề liên quan đến quy hoạch sử dụng đất vào mục đích làm các cơ sở giáo dục ngoài công lập do hiện trạng diện tích đất công theo các đồ án quy hoạch được sắp xếp, bố trí để xây dựng các công trình giáo dục hạn chế, chủ yếu quy hoạch trên đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nên chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng cao, ảnh hưởng đến tính khả thi của quy hoạch, nên việc thực hiện kế hoạch phát triển mạng lưới trường lớp tại các quận huyện hiện nay gặp nhiều khó khăn.

Mặt khác, Sở Giáo dục và Đào tạo cũng có kiến nghị thêm các giải pháp : Triển khai gói tín dụng cho vay đặc thù đối với ngành giáo dục, trong đó giảm tối đa các điều kiện cho vay, linh hoạt trong yêu cầu về tài sản đảm bảo để vay tín dụng phục vụ giảng dạy, đào tạo, xem xét áp dụng theo hình thức vay tín chấp đối với các cơ sở giáo dục cả trong và ngoài công lập. Ưu tiên hạn mức cho vay tối đa để chuyển đổi số, áp dụng khoa học công nghệ ứng dụng trong ngành giáo dục không cần điều kiện. Ưu tiên tín dụng đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập phải đóng cửa theo yêu cầu phòng chống dịch ít nhất 1 tháng được vay vốn không lãi suất hoặc lãi suất ưu đãi để sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch.

Chính sách miễn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất cho toàn bộ các cơ sở, doanh nghiệp giáo dục và các dịch vụ giáo dục trong 02 năm bị ảnh hưởng 2020-2021 và cho giai đoạn 2022-2027 để giảm chi phí trong vận hành, khuyến khích, huy động các nguồn lực công - tư vào phát triển, để phục hồi ngành Giáo dục một cách nhanh nhất và duy trì hoạt động trong các năm tiếp theo, đặc biệt là các cơ sở giáo dục. Hỗ trợ cơ sở giáo dục ngoài công lập chậm đóng BHXH cho đội ngũ kể cả giáo viên Việt Nam và giáo viên nước ngoài đến tháng 6/ 2022.

#### **IV. Thuận lợi, khó khăn:**

##### **a) Thuận lợi:**

Nhờ sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Thành ủy, Hội đồng Nhân dân; Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các Bộ ngành Trung ương liên quan trong việc ban hành các chủ trương, Nghị quyết chỉ đạo phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo, dành quỹ đất cho giáo dục và đầu tư xây dựng cơ sở

vật chất trường lớp; đa dạng hóa các loại hình trường (trường phổ thông thuộc các cấp học, bậc học; trường có yếu tố nước ngoài; trường chuyên biệt...).

Trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp trên địa bàn Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân quận, huyện và các Sở, ban ngành có liên quan rà soát, kiểm tra tiến độ thực hiện các công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố.

#### **b) Khó khăn:**

Do điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ngày càng tăng và do áp lực dân số tăng cơ học cao, áp lực tăng dân số cơ học ảnh hưởng đến công tác dự báo, tạo áp lực về cơ sở hạ tầng tại một số quận huyện đang trong quá trình đô thị hóa cao. Cụ thể: tại các quận 7, quận 12, quận Thủ Đức, quận Gò Vấp, quận Tân Phú, quận Bình Tân, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn và một số quận, huyện có sĩ số học sinh/lớp bậc tiểu học cao: Quận 12, Thủ Đức, Gò Vấp, Tân Phú, Hóc Môn, Bình Chánh (sĩ số học sinh trên 45 học sinh/lớp). So với năm học 2016 -2017, thì năm học 2017-2018 số học sinh tăng với số lượng: 61.400 học sinh.

Quá trình triển khai các dự án giáo dục gặp nhiều khó khăn trong giải quyết bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng trường học.

Số dự án đăng ký đầu tư lớn, tuy nhiên khả năng cân đối ngân sách Thành phố để đầu tư có hạn.

Việc thu hút các nguồn lực đầu tư xã hội hóa để phát triển hệ thống trường lớp còn hạn chế do chưa có nhiều chính sách ưu đãi, hấp dẫn nhà đầu tư và các quy định về điều chỉnh quy hoạch và mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trường học tại các khu đất có chức năng quy hoạch đất ở.

Về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục theo Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ việc xã hội hóa giáo dục gặp khó khăn do chưa có giải pháp thực hiện tháo gỡ về việc nhà đầu tư xây dựng các trường học phải chuyển đổi mục đích sử dụng là đất giáo dục.

#### **V. Bài học kinh nghiệm:**

Sau nhiều năm thực hiện đầu tư xây dựng trường học trong giai đoạn 2020-2025, trên cơ sở phân tích những thành tích và một số tồn tại và hạn chế, Thành phố đã rút ra một số bài học kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo, cụ thể như:

Về khách quan: với lợi thế về vị trí địa lý và hệ thống kết nối giao thông tương đối phát triển, Thành phố Hồ Chí Minh đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư. Trong đó Đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng giáo dục là một chính sách lớn mang tính toàn diện của Đảng và Nhà nước, có tác động trực tiếp đến mọi lĩnh vực kinh tế, văn hoá xã hội của người dân.

Đối với Thành phố đã nhận định rõ việc đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển nhất là giáo dục mầm non là hết sức quan trọng và cần thiết; muốn phát triển giáo dục phải huy động sự tham gia của toàn xã hội dưới sự tổ chức và quản lý của nhà nước; cùng với trường công lập cần đẩy mạnh phát triển các loại hình trường ngoài công lập góp phần đáng kể vào việc phát triển sự nghiệp giáo dục của thành phố, tạo điều kiện và cơ hội học tập tốt hơn cho người dân, giảm áp lực đầu tư công.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách về giáo dục và đào tạo và Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục. Trong đó, thực hiện chủ trương xã hội hoá, huy động các nguồn lực trong cộng đồng dân cư, và các doanh nghiệp trên địa bàn, khai thác tối đa nguồn thu tại địa phương; cơ chế đối tác công - tư (PPP) trong phát triển đầu tư xây dựng trường học. Tạo điều kiện chuyển đổi mô hình các cơ sở giáo dục mầm non từ công lập ra ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao.

Trong quá trình chỉ đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện, phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để phát hiện, xử lý kịp thời những bất cập phát sinh. Phải làm tốt công tác thi đua khen thưởng để động viên kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

### **Thực hiện chính sách đầu tư phát triển mạng lưới trường lớp giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

#### **Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế**

Thực hiện Kế hoạch số 1418/KH-BGDĐT ngày 07/10/2022 và Công văn số 5121/BGDĐT-GDMN ngày 07/10/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức Hội nghị Sơ kết 02 năm triển khai Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định các Chính sách phát triển giáo dục mầm non (GDMN), Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Thừa Thiên Huế xin báo cáo tham luận tại Hội nghị với nội dung “Thực hiện chính sách đầu tư phát triển mạng lưới trường lớp giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”.

#### **I. Khái quát chung về Giáo dục mầm non của tỉnh**

Thừa Thiên Huế là tỉnh nằm ở khu vực miền Trung, vừa có điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội, nhưng cũng là địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề sau chiến tranh và chịu tác động thường xuyên của thiên tai bão lụt. Thời gian qua, được sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, sự nỗ lực của nhân dân Thừa Thiên Huế, sự nghiệp GD&ĐT đã phát triển vững chắc cả về số lượng lẫn chất lượng. Năm học 2022 – 2023, toàn tỉnh có 579 trường từ mầm non đến trung học phổ thông, trong đó có 205 trường mầm non (184 trường công lập và 21 trường tư thục); có 2411 nhóm, lớp (624 nhóm trẻ, 1787 lớp mẫu giáo, trong đó có 612 lớp mẫu giáo 5 tuổi), số cơ sở độc lập tư thục có phép: 154 cơ sở .

#### **II. Thực hiện chính sách đầu tư phát triển mạng lưới trường lớp giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

##### **1. Việc tham mưu ban hành văn bản phát triển mạng lưới GDMN**

###### **a) Trước khi có Nghị định 105/2020/NĐ-CP**

Xác định phát triển GDMN là mục tiêu quan trọng làm tiền đề để nâng cao chất lượng các cấp tiếp theo và là một mục tiêu chính trị quan trọng, đòi hỏi sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy và sự triển khai thực hiện một cách đồng bộ của các cấp chính quyền. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các đơn vị cấp huyện đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phát triển toàn diện hệ thống GDMN trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định 1235/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển giáo dục đào tạo Thừa Thiên Huế 2015 - 2020 tầm nhìn 2030.

- Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025.

- Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển GDMN giai đoạn 2019 – 2025.

- Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 07 năm 2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Quyết định số 76/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2019 ban hành quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục – đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Sau khi có Nghị định 105/NĐ-CP

- Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa thiên Huế về việc Triển khai Nghị định số 105/2020/NĐ/CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định các chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 26/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Cùng với việc ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị, UBND tỉnh đã giao trách nhiệm cho các Sở ban ngành chủ trì xây dựng các đề án để thực hiện các mục tiêu trên.

## **2. Đầu tư xây dựng mạng lưới trường lớp, huy động trẻ đến trường, thực hiện chính sách đối với trẻ em**

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp chính quyền địa phương quy hoạch lại mạng lưới trường lớp, quy hoạch theo cụm tập trung, giảm tối đa các điểm trường lẻ, đảm bảo mỗi xã/ phường/ thị trấn đều có ít nhất 01 trường mầm non công lập đáp ứng nhu cầu huy động trẻ đến trường.

Tập trung đầu tư nguồn lực xây dựng hệ thống phòng học, phòng chức năng,

khu hiệu bộ, nhà vệ sinh, nhà bếp... đảm bảo các điều kiện phục vụ cho việc huy động trẻ tại các trường mầm non. Chú trọng xây dựng cảnh quang, môi trường kang trang, an toàn, xanh, sạch, đẹp nhằm thu hút trẻ đến trường.

Tỉnh cũng đã quan tâm và có những giải pháp phù hợp với đặc điểm vùng miền: Đối với khu vực đô thị (Thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà) mật độ dân số cao, quy mô hệ thống các trường MN công lập không đủ đáp ứng nhu cầu ra lớp của trẻ. Tỉnh chỉ đạo các đơn vị tiến hành rà soát, kiểm tra, ra quyết định thành lập các trường MN Tư thục, sự phát triển của hệ thống các trường MN Tư thục đã tạo điều kiện cho việc huy động trẻ mầm non ra lớp với tỷ lệ cao. Đối với vùng đồng bằng, đời sống nhân dân khó khăn, đặc biệt là dân Vạn đò, dân ven biển, đầm phá...cuộc sống không ổn định nên việc huy động trẻ ra lớp gặp nhiều khó khăn, tỉnh cũng đã chủ trương quy hoạch cụm dân cư, xây dựng trường MN tại các khu tái định cư, vận động nhân dân lên bờ và sống tập trung, đưa con đến trường...đồng thời có nhiều chính sách hỗ trợ để người dân yên tâm đưa trẻ đến trường. Đối với vùng miền núi, với đặc thù người dân tộc thiểu số sinh sống chiếm tỷ lệ cao, đời sống người dân còn nhiều khó khăn, phong tục, tập quán lạc hậu, sống du canh, du cư...nên việc huy động trẻ ra lớp cũng là vấn đề lớn, Tỉnh đã tập trung các chương trình mục tiêu, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cho các huyện miền núi; có nhiều chính sách, chủ trương vận động, tổ chức cho đồng bào dân tộc thiểu số sống định canh, định cư; chỉ đạo các chính quyền địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, hướng dẫn bà con chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, chuyển giao khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, trồng trọt nhằm tăng thu nhập và ổn định cuộc sống, góp phần xóa đói giảm nghèo nâng cao mức sống cho nhân dân nhằm ổn định cuộc sống, quan tâm đưa trẻ đến trường.

Với các giải pháp đồng bộ, vừa quy hoạch, sắp xếp lại, vừa xây dựng mới, vừa chuyển đổi mục đích sử dụng, mạng lưới trường lớp mầm non từ 882 điểm trường nay chỉ còn 374 điểm trường, bình quân 1,82 điểm/trường.

Thừa Thiên Huế chỉ có khu công nghiệp (KCN) không có khu chế xuất; đa phần công nhân tại các KCN đều là dân địa phương, nên gửi con học tại các trường mầm non công lập trên địa bàn. Riêng KCN Scavi Phong Điền, được thành lập năm 2017 với 100% vốn do công ty Scavi đầu tư, huy động 200 cháu, đáp ứng đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ con cán bộ công nhân của công ty và nhân dân trong khu vực.

Theo đó, tỉnh cũng có nhiều chính sách khuyến khích xã hội hóa như: Chính sách cho thuê nhà, xây dựng cơ sở vật chất; chính sách miễn, giảm tiền thuê đất; chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư; chính sách Thuế thu nhập doanh nghiệp, lệ phí trước bạ, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; chính sách ưu đãi về tín dụng; áp dụng chính sách ưu đãi khi chuyển

đôi hình thức hoạt động; trình tự, thủ tục, thẩm quyền miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giao đất, cho thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 76/2019/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy vậy, trong những năm qua việc thu hút các nguồn lực của xã hội vào khối ngoài công lập còn rất thấp, tính đến năm học 2022-2023, có 21 trường mầm non ngoài công lập, tỷ lệ 10,24%.

Để thực hiện phát triển mạng lưới trường lớp mầm non, ngoài phần đầu tư từ ngân sách Nhà nước, phải kể đến sự hỗ trợ nhiệt tình của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và của cả người dân, Tỉnh đã tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào việc đầu tư cho GDMN, nhiều địa phương đã huy động toàn xã hội tham gia. Phong trào toàn xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục được đẩy mạnh, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các tổ chức kinh tế xã hội đã tích cực tham gia ủng hộ tiền của, công sức xây dựng cơ sở vật chất, trường, lớp, hiến đất làm trường học. Nhiều gia đình người dân tự nguyện hiến đất, ủng hộ kinh phí xây dựng trường, lớp mầm non, mua sắm trang thiết bị trong lớp, ngoài trời cho các trường mầm non; Hội Khuyến học của tỉnh đã vận động xây mới phòng học cho 3 trường mầm non ở địa bàn khó khăn của huyện A Lưới và thị xã Hương Trà; Dự án Luxambua đã đầu tư xây dựng nhiều phòng học và công trình vệ sinh ở huyện Quảng Điền và huyện Phú Lộc; Hội cựu chiến binh Mỹ đã xây dựng trường mầm non ở xã Phong Sơn, huyện Phong Điền; Một số tổ chức đã hỗ trợ xây dựng nhiều phòng học cho mầm non ở huyện Phú Vang... Các tổ chức tôn giáo cũng đã đầu tư xây dựng nhiều trường mầm non khang trang, thu hút trẻ ra lớp. Nhờ làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, đã huy động tổng kinh phí từ nguồn xã hội hóa để thực hiện phát triển mạng lưới GDMN trên 250 tỷ đồng. Ngoài ra đối với các xã miền núi và nông thôn, các điểm trường khó khăn, tỉnh chỉ đạo huy động được hàng ngàn ngày công của phụ huynh và các lực lượng khác như Bộ đội, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ... cùng với nhà trường cải tạo khuôn viên, làm hàng rào bằng nguyên vật liệu địa phương, xây dựng vườn rau của bé... đã góp phần nâng cao chất lượng GDMN trên địa bàn.

Thực hiện các chính sách ưu đãi về đất đai, về thuế để khuyến khích phát triển hệ thống trường mầm non tư thục, đặc biệt là ở những nơi có khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Hầu hết các trường MN tư thục đều đáp ứng điều kiện về CSVC, hàng năm đều có kế hoạch tu sửa nâng cấp CSVC, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; một số trường MN tư thục đã đầu tư kinh phí khá lớn để xây dựng trường, lớp khang trang, xanh, sạch, đẹp, đạt chuẩn nhằm đáp ứng mục tiêu GDMN hiện nay như: Trường Mầm non Scavi



(tại khu công nghiệp Phong Điền), trường MN Bích Trú (tại thành phố Huế); trường mầm non Hương Sơ (ở cụm công nghiệp Hương Sơ)... Nhiều cơ sở GDMN độc lập, tự thực đã đầu tư sửa chữa nâng cấp các phòng học, cải tạo sân chơi, bếp ăn đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi và học tập của trẻ như sân chơi đảm bảo an toàn, đủ diện tích, có đồ chơi ngoài trời cho trẻ chơi và phát triển vận động; phòng học và sinh hoạt đủ ánh sáng, đủ diện tích và đảm bảo an toàn; trang bị đủ đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động và vui chơi, có đủ các học liệu cho trẻ...

### **3. Kết quả đạt được**

- Hệ thống mạng lưới trường lớp và quy mô GDMN trên địa bàn tỉnh phát triển nhanh, đáp ứng nhu cầu gửi con của người dân ngày càng cao.

- Hầu hết các địa phương đều quy hoạch, dành quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp theo hướng kiên cố, hiện đại đã giúp cho GDMN của tỉnh phát triển đúng hướng và bền vững. Số lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia tăng nhiều so với các năm học trước.

- Các chính sách phát triển GDMN được thực hiện kịp thời và hiệu quả.

- Mạng lưới trường lớp mầm non công lập tại địa bàn các KCN đảm bảo huy động số lượng trẻ ra lớp. Đa phần công nhân tại các KCN đều là dân địa phương nên đều gửi con tại các trường mầm non công lập trên địa bàn.

### **4. Khó khăn, hạn chế**

- Nhiều trường học mầm non trong những năm qua đã được sắp xếp mạng lưới trường lớp nhằm giảm bớt các điểm trường lẻ, tuy nhiên do địa bàn trải dài theo vùng đầm phá, miền núi... nên vẫn còn tồn tại nhiều điểm trường lẻ, do đó hạn chế trong việc đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.

- Những năm qua, cơ sở vật chất các trường mầm non đã được đầu tư xây mới, cải tạo sửa chữa nhiều nhờ địa phương quan tâm bố trí từ ngân sách tỉnh, huyện, xã và lồng ghép các nguồn chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới, kiên cố hoá trường lớp học) cũng như huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhưng nhiều trường vẫn chưa đáp ứng yêu cầu cơ sở vật chất xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Một số nơi quy hoạch thì không có nhà đầu tư; những nơi trung tâm, tập trung đông dân cư, cần phải mở trường thì không có quỹ đất...nên mạng lưới trường lớp vẫn còn thừa thiếu cục bộ.

### **III. Kiến nghị, đề xuất với Bộ GD&ĐT**

Bộ GD&ĐT phối hợp với các Bộ ngành liên quan tham mưu Chính phủ có cơ chế miễn giảm học phí đối với trẻ em 5 tuổi; bổ sung chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn đối với độ tuổi nhà trẻ, tạo điều kiện thu hút trẻ em độ tuổi nhà trẻ ra lớp;

Có chính sách ưu tiên phát triển GDMN thông qua các chương trình, dự án; điều tiết nguồn lực xây dựng hệ thống cơ sở vật chất cho phát triển GDMN nhằm đáp ứng nhu cầu đưa con ra lớp của người dân, đảm bảo quyền lợi, sự công bằng cho trẻ trong độ tuổi mầm non; chuẩn bị điều kiện thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non 3 – 5 tuổi trong giai đoạn tới.

Trên đây là báo cáo tham luận tình hình thực hiện Nghị định 105/2020/NĐ-CP về “Chính sách đầu tư phát triển mạng lưới trường lớp giáo dục mầm non” trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo./.

---

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

### **Công tác tham mưu ban hành và thực hiện các chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

*Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương*

## **I. KHÁI QUÁT, ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

### **1. Tình hình chung về Bình Dương**

Tỉnh Bình Dương thuộc tỉnh miền Đông Nam bộ, về cơ cấu hành chính, tỉnh có 09 đơn vị cấp huyện (03 thành phố, 02 thị xã và 04 huyện). Bình Dương hiện có 41 Khu công nghiệp (KCN)- cụm công nghiệp (CCN) (không có KCX) được phân bố dàn trải trên 09/09 huyện, thị xã, thành phố trong đó: có 29 KCN và 12 CCN. Đa số cha mẹ trẻ là người lao động nhập cư tại các khu, cụm công nghiệp.

### **2. Tình hình giáo dục mầm non tại tỉnh Bình Dương**

Quy mô mạng lưới trường lớp Giáo dục Mầm non (GDMN): Tính đến đầu năm học 2022-2023, toàn tỉnh có 438 trường mầm non (Công lập 118, tư thục 320), 603 cơ sở GDMN độc lập tư thục. Cơ sở GDMN tư thục chiếm trên 80% các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh. Tổng số trẻ toàn tỉnh: 115.522, trong đó tư thục: 79.678 trẻ, chiếm gần 69 %.

#### **\* Thuận lợi**

- Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã quan tâm chỉ đạo sở GDĐT phối hợp cùng các sở, ban, ngành, đoàn thể đồng thời chỉ đạo UBND các huyện, thị triển khai đồng bộ các chính sách phát triển giáo dục của ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

- Ngân sách đầu tư phát triển trường, lớp tăng lên hàng năm; kinh phí hoạt động sự nghiệp giáo dục được bảo đảm; chính sách của địa phương đối với đội ngũ CBQL, Giáo viên, Nhân viên và Học sinh được đổi mới kịp thời.

- Công tác xã hội hoá giáo dục được củng cố, phát triển; nhiều tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, thành lập trường học, góp phần giải quyết khó khăn về nhu cầu học tập cho con em Nhân dân.

#### **\* Khó khăn**

Điều kiện được hưởng chính sách đối với giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở GDMN tư thục: “Trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp”. Đa phần số trẻ là con công nhân, người lao động nhưng thường có cả lao động tự do nên xác nhận con công nhân lao động tại khu công nghiệp thường chưa đủ tỷ lệ 30%) nên nhiều GV rất vất vả nhưng không được hưởng chính sách.

Tuy Nghị quyết của tỉnh đã mở rộng đối tượng cho con em công nhân làm việc tại các **cụm công nghiệp** nhưng vẫn chưa đáp ứng hết cho đối tượng khó khăn vì con

em công nhân và người lao động nhập cư làm việc tại các xí nghiệp nhỏ **không thuộc khu, cụm công nghiệp** rất nhiều.

Đối tượng trẻ con công nhân nhập cư, thường xuyên thay đổi nơi ở, nơi làm việc, khó khăn cho công tác kiểm soát, cập nhật hồ sơ, theo dõi cấp phát kinh phí hỗ trợ.

## **II. QUÁ TRÌNH THAM MƯU BAN HÀNH CHÍNH SÁCH**

Ngay sau khi Nghị Định 105/2020/NĐ-CP ban hành, Sở GDĐT đã kịp thời thông kê khảo sát sơ bộ tình hình cơ sở GDMN tại các KCN; phối hợp với các sở ngành khác tham mưu UBND tỉnh HĐND ban hành Nghị quyết theo đúng quy trình.

Ngày 14/9/2021 HĐND tỉnh đã Ban hành Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND quy định về việc hỗ trợ phát triển GDMN tại các KCN và CCN.

Đặc biệt, ngoài các KCN, tỉnh còn có 12 CCN hoạt động với tổng diện tích 789,91 ha, tổng số lao động khoảng 25.000 người, do đó, Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND quy định hỗ trợ phát triển GDMN tại các **KCN và CCN**.

Trước đó, Sở GDĐT đã chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chủ trương xã hội hóa giáo dục và phát triển GDMN theo hướng bền vững (*phụ lục 1: Các đề án, kế hoạch, công văn đính kèm*).

Tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về một số chính sách quan tâm đến công tác giáo dục trong đó có phát triển giáo dục mầm non. (*Phụ lục 2: Các chính sách dành cho GVMN ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND*)

## **III. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

Sau khi NQ 09/2021/NQ-HĐND được ban hành, UBND tỉnh ban hành công văn số 4729/UBND-VX ngày 21/9/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Sở GDĐT ban hành các văn bản hướng dẫn các Phòng GDĐT chỉ đạo cơ sở GDMN triển khai thực hiện các chính sách đối với GDMN:

- Công văn số 1666/SGDĐT-TCCB ngày 24/9/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND về chính sách phát triển GDMN trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Công văn số 121/SGDĐT-TCCB ngày 18/01/2022 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện chính sách phát triển GDMN trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Liên hệ Sở Công thương và Ban quản lý các KCN cung cấp danh mục các KCN, CCN cho các cơ sở giáo dục.

Chỉ đạo các Phòng GDĐT chủ động, phối hợp đơn vị chức năng tuyên truyền đến các cấp, các ngành, các nhà đầu tư và người lao động; hướng dẫn cơ sở GDMN tự thực tại các KCN-CCN hoàn thiện yêu cầu hồ sơ theo quy định; tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ để kịp thời giải quyết các chế độ chính sách theo đúng quy định.

Tổ chức Hội thảo chuyên đề về GDMN, trong đó có nội dung tham luận “Giải pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND”, qua đó chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ và quy trình thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, có vướng mắc, Sở GDĐT đã lập văn bản xin ý kiến Bộ GDĐT và Bộ cũng có văn bản trả lời kịp thời để Sở GDĐT hướng dẫn các đơn vị thực hiện nhằm không bỏ sót đối tượng học sinh được hưởng chính sách.

Trong Hội nghị tổng kết ngành GDMN ngày 16/09/2022, ngành đã chọn đơn vị thực hiện tốt báo cáo tham luận để các đơn vị cùng học tập kinh nghiệm.

## **1. Một số chính sách đối với cơ sở Giáo dục mầm non**

### **a) Chính sách đầu tư, ưu tiên phát triển GDMN**

Phối hợp cùng các Sở ngành tham mưu Quy hoạch quỹ đất để xây dựng cơ sở GDMN phù hợp quy mô phát triển giáo dục của địa phương. Tiếp tục đầu tư CSVC, kiên cố hóa trường lớp, mua sắm TBDH, đồ chơi ngoài trời phục vụ việc thực hiện chương trình GDMN; bảo đảm bố trí ngân sách chi cho GDMN. Tăng cường quản lý nhà nước về GDMN, đặc biệt là GDMN tư thực.

Tham mưu UBND chỉ đạo UBND các huyện, thị về các chính sách như giao đất, cho thuê đất, miễn thuế sử dụng đất...

### **b) Chính sách hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập, tư thực ở địa bàn có KCN, nơi có nhiều lao động (Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)**

Hỗ trợ trang bị CSVC 01 lần bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, TBDH theo danh mục quy định của Bộ GDĐT và hỗ trợ kinh phí sửa chữa CSVC để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em, cụ thể: CSGD có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại KCN, CCN: mức hỗ trợ: **30 triệu đồng/cơ sở GDMN độc lập có dưới 35 trẻ; 40 triệu đồng/cơ sở GDMN độc lập có từ 35 đến 70 trẻ** (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định mức hỗ trợ tối thiểu là **20 triệu đồng/cơ sở** và chỉ trong địa bàn có **Khu công nghiệp**).

Đến nay đã xét duyệt 46 hồ sơ (trong đó có 13 cơ sở dưới 35 trẻ; có 33 cơ sở có từ 35 đến 70 trẻ). Dự toán mức kinh phí được hỗ trợ khoảng gần 1,7 tỷ đồng.

### **c) Chính sách thực hiện một số dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (Điều 6 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)**

Hiện nay UBND tỉnh đang tham mưu HĐND ban hành NQ về các dịch vụ không sử dụng ngân sách nhà nước và NQ về mức thu học phí trên địa bàn tỉnh (trong thời gian chờ Nghị quyết được thông qua, Sở GDĐT chỉ đạo tạm thời chưa thu học phí)

## **2. Chính sách đối với trẻ mầm non**

### **a) Chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo (Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)**

Công văn số 121/SGDĐT-TCCB ngày 18/01/2022, cụ thể có hướng dẫn thực hiện hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ mẫu giáo theo Điều 7 Nghị định 105/NĐ-CP

Đến nay, hồ sơ đề xuất hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ mẫu giáo: 117 trẻ, số tiền: 74.400.000 đồng, đã chi số tiền: 68.309.000 đồng.

### **b) Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại KCN, CCN (Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)**

Đối tượng: Trẻ em đang học tại các cơ sở GDMN thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng là công nhân, người lao động đang làm việc tại các KCN, CCN được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

Mức hỗ trợ: 160.000 đồng/trẻ/tháng.

Đến nay có 13.583 trẻ được hỗ trợ. Dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ khoảng 16 tỷ đồng, được duyệt khoảng 13 tỷ đồng. Đến nay đã được nhận gần 6 tỷ đồng.

### **3. Chính sách đối với giáo viên, nhân viên**

#### ***a) Chính sách cho GV mầm non ngoài công lập ở địa bàn có KCN (Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)***

Đối tượng: Giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở GDMN dân lập, tư thực ở địa bàn có KCN, CCN (Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND mở rộng địa bàn CCN)

Mức hỗ trợ: 800.000 đồng/người/tháng.

Đến nay, Có 214 giáo viên cơ sở GDMN tư thực hoàn thiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Dự toán kinh phí hỗ trợ khoảng 822 triệu đồng, đã chi 236 triệu đồng.

#### ***b) Chính sách hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn đối với giáo viên mầm non tư thực (Điều 11 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)***

Hàng năm, Sở GDĐT phối hợp các đơn vị tổ chức bồi dưỡng cho GV, CBQL đều có chọn cử GDMN ngoài công lập tham gia (được ngân sách hỗ trợ chi phí, tài liệu bồi dưỡng). Sở GDĐT chỉ đạo các phòng GDĐT tổ chức tập huấn nghiệp vụ và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non cũng miễn phí bồi dưỡng và tài liệu.

#### ***c) Các chính sách khác của địa phương***

Sở GDĐT tham mưu trình HĐND ban hành một số chế độ chính sách hỗ trợ đối với đội ngũ GDMN công lập nhằm thu hút nguồn nhân lực vào ngành học mầm non và phần nào giúp đội ngũ an tâm công tác (Phụ lục 2. Các chính sách cụ thể đính kèm Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND).

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Ngành GDĐT đã kịp thời tham mưu UBND tỉnh trình HĐND ban hành Nghị quyết và triển khai thực hiện nghiêm túc các chính sách phát triển GDMN. Từ đó chất lượng GDMN tại các địa bàn KCN, CCN được nâng lên rõ rệt.

100% cơ sở GDMN ở KCN tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả chương trình GDMN sau sửa đổi, bổ sung; 100% cơ sở GDMN xây dựng và triển khai thực hiện Chuyên đề "Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025".

Khắc phục tối đa các nguy cơ có thể làm ảnh hưởng đến công tác đảm bảo an toàn cho trẻ, đồng thời khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi nhất để các nhà đầu tư tham gia phát triển GDMN, đảm bảo vừa đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của các bậc cha mẹ, vừa nâng cao được chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ tại địa phương.

Đến nay đã xét duyệt hồ sơ cho 46 cơ sở GDMN, 13.583 trẻ là con công nhân, 117 trẻ xét hỗ trợ ăn trưa, 214 giáo viên, dự toán mức kinh phí được hỗ trợ khoảng 18.596.400 000 đồng, kinh phí được nhận: 6.304.309.000 đồng. Kinh phí còn lại đang chờ phòng KHTC các huyện, thị xét duyệt và cấp.

#### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

##### **1. Kiến nghị, đề xuất với Chính phủ**

Nhà nước tiếp tục nghiên cứu cải tiến chế độ làm việc, chính sách tiền lương cho đội ngũ GDMN nhằm thu hút, khuyến khích học sinh vào trường Sư phạm Mầm non và thu hút nguồn nhân lực vào làm việc tại các cơ sở GDMN.

Chính phủ tiếp tục nghiên cứu các chế độ chính sách hỗ trợ trẻ là con công nhân, người lao động trong các nhà máy, xí nghiệp nhỏ lẻ... (ngoài KCN-CCN).

Tiếp tục có các chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực GDMN tại các KCN-CCN theo hướng hiện đại, đạt chuẩn, đáp ứng nhu cầu gửi con của người lao động.

##### **2. Với các bộ, ngành**

Phân bổ ngân sách đối với ngành GDĐT, trong đó có GDMN theo số lượng trẻ huy động thực tế đến cơ sở GDMN, không phân biệt trẻ công lập hay tư thục nhằm tạo điều kiện thuận lợi để tỉnh Bình Dương tiếp tục thực hiện tốt chính sách hỗ trợ giải quyết vấn đề trường lớp mầm non tư thục còn nhiều khó khăn.

Trên đây là báo cáo của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về kết quả thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non, Nghị quyết 09/2021/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định hỗ trợ phát triển GDMN trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

## **PHỤ LỤC DANH MỤC VĂN BẢN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

### **Phụ lục 1: Danh mục các đề án, chính sách về phát triển GDMN theo hướng bền vững.**

- Chương trình số 20-CTHĐ/TU ngày 20/7/2011 của Tỉnh ủy về Chương trình “Nâng cao chất lượng nguồn lực tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015”.

- Kế hoạch số 3641/KH-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động số 81-CTHĐ/TU ngày 03/4/2014 của Tỉnh ủy.

- Chương trình số 430/CTr-SGDĐT ngày 29/3/2016 của Sở GDĐT về “Huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương ngành GDĐT”.

- Kế hoạch phát triển GDĐT giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương (ban hành theo Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh).

- Kế hoạch số 853/KH-SGDĐT ngày 16/5/2018 của Sở GDĐT về “Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực GDĐT tỉnh Bình Dương đến năm 2025 và định hướng đến 2030”.

- Kế hoạch số 3214/KH-UBND ngày 03/7/2019 của UBND về việc triển khai thực hiện Đề án “Phát triển GDMN giai đoạn 2018-2025”.

- Kế hoạch số 1362/KH-UBND ngày 25/3/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/06/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển GDĐT trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2020 - 2025.

- Công văn số 5449/UBND-KT ngày 05/11/2020 về đầu tư xây dựng trường học trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

- Kế hoạch số 299/KH-UBND ngày 19/01/2022 về triển khai thực hiện Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của TTg CP về phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Dương quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành GDĐT, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương (gọi tắt là Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND).

**Phụ lục 2: Các chính sách dành cho GVMN ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Dương quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành GDĐT, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương (gọi tắt là Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND):**



- **Nhân viên cấp dưỡng** được hỗ trợ 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng.
- **Nhân viên phục vụ** được hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng.
- Ngoài chế độ trên, trong trường hợp **cấp dưỡng phục vụ số trẻ vượt quá quy định** thì được hỗ trợ thêm 05 ngày tiền lương hiện hưởng/người/tháng. Mỗi đơn vị chỉ được thiếu không quá 02 cấp dưỡng trong năm học.
- **Nhân viên bảo vệ** được hỗ trợ 600.000 đồng/người tháng và tiền trang phục 600.000 đồng/02 bộ/người/năm. - Giáo viên phụ trách công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục tại các xã, phường, thị trấn được hỗ trợ 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng.
- Hỗ trợ **tiền trang phục công chức, viên chức, nhân viên trực tiếp làm công tác phục vụ các lớp bán trú trong các cơ sở GDMN** công lập được hỗ trợ tiền trang phục với mức 300.000 đồng/2 bộ/người/năm.
- Phụ cấp xa nhà (công tác ở các địa phương khác nơi đăng ký thường trú) hỗ trợ từ 100.000 - 150.000 đồng/người/tháng hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà trọ đối với công chức, viên chức có khó khăn về nhà ở bằng 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.
- Hỗ trợ cho **công chức Phòng GDĐT, Sở GDĐT; công chức, viên chức thuộc trường mầm non công lập được phân công quản lý các đơn vị mầm non ngoài công lập** đóng trên địa bàn được hưởng 01 ngày lương/tuần/người.
- Hỗ trợ **công chức, viên chức, nhân viên của nhà trẻ, mẫu giáo, các trường mầm non bán trú**: 200.000 đồng/người/tháng.
- Hỗ trợ **Ban Giám hiệu cơ sở GDMN công lập bán trú** 01 đến 02 ngày lương/người/tháng.
- Hỗ trợ **giáo viên cơ sở GDMN công lập bán trú** từ 04 đến 06 ngày lương/người/tháng.
- **Giáo viên mầm non trực tiếp đứng lớp** có số trẻ vượt từ 20% trở lên so với số trẻ/lớp theo quy định được hưởng 04 ngày lương/tháng/giáo viên
- **Giáo viên mầm non mới ra trường**, trong thời gian tập sự được hỗ trợ thêm 15% cho đủ 100% lương bậc khởi điểm.
- Hỗ trợ 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với **Ban Giám hiệu, giáo viên mẫu giáo** và 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với **giáo viên nhà trẻ** (bao gồm cả giáo viên trong thời gian tập sự), thời gian hỗ trợ là 05 năm.
- Chế độ thu hút đối với **giáo viên mầm non tuyển dụng mới**: Hỗ trợ bằng 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng, thời gian hỗ trợ là 05 năm.

**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**Tham mưu ban hành và thực hiện các chính sách đối với**  
**giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp**

*Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng*

**1. Khái quát tình hình chung về GDMN thành phố Đà Nẵng**

- Hiện nay, tổng số trường MN trên địa bàn thành phố: 202 trường mầm non trong đó: công lập: 71 trường, ngoài công lập: 131 trường và có 734 cơ sở GDMN độc lập, trong đó 233 nhóm trẻ độc lập quy mô tối đa 7 trẻ thu nhận 13.723 trẻ và 501 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập quy mô trên 7 trẻ thu nhận 14.668 trẻ.

- Thành phố Đà Nẵng có 6 KCN tập trung tại 4 quận, huyện Liên Chiểu, Sơn Trà, Cẩm Lệ và huyện Hòa Vang, số lượng cơ sở GDMN ở KCN: 108 trường/203 chiếm tỷ lệ: 53,2%, trong đó: công lập: 37 trường/71 trường chiếm tỷ lệ: 52,1, tư thực: 71/131 trường chiếm tỷ lệ: 54,2%. Riêng số lượng trẻ mầm non ra lớp tại các cơ sở GDMN địa bàn KCN: 34.229 trẻ (trẻ nhà trẻ: 9227, trẻ mẫu giáo: 25002, trẻ mẫu giáo 5 tuổi: 8434).

**2. Tình hình tham mưu ban hành chính sách của thành phố Đà Nẵng trước khi có Nghị định 105**

- Quyết định số 3295/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về phê duyệt tiếp nhận Dự án Trung tâm Chăm sóc và GDMN OneSky - Đà Nẵng, trong đó UBND thành phố đóng góp vốn đối ứng: **9.114.277.590 đồng** đặt tại vị trí phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, hằng năm thu nhận 250 trẻ con công nhân có thu nhập thấp làm việc tại KCN quận Liên Chiểu.

- Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng Quy định mức hỗ trợ trang bị CSVC cho 116 NLĐLTT tại KCN trên địa bàn thành phố Đà Nẵng **hơn 2 tỷ đồng**.

**3. Quá trình tham mưu ban hành các Nghị quyết để triển khai Nghị định 105**

Sau khi Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 của Chính phủ có hiệu lực (từ tháng 11/2020), UBND thành phố đã chỉ đạo Sở GDĐT tham mưu UBND thành phố trình thường trực HĐND thành phố xây dựng Nghị quyết quy định chi tiết một số chính sách đầu tư, ưu tiên phát triển GDMN, chính sách đối

với trẻ mầm non, giáo viên mầm non và cơ sở giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp của thành phố Đà Nẵng.

Được sự đồng ý chủ trương của HĐND thành phố, Sở GDĐT (cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu xây dựng Nghị quyết) xây dựng dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết, xin ý kiến của các sở, ngành có liên quan và các đơn vị trực thuộc. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến của các đơn vị, Sở GDĐT tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết gửi hồ sơ sang Sở Tư pháp thẩm định. Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, trình UBND trình HĐND xem xét, quyết định.

Tại kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 đã ban hành Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 “*Quy định chính sách đối với trẻ em mầm non, giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục liên quan đến khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*”. Theo đó, mức hỗ trợ của Thành phố là:

**(1) Dành cho trẻ em** đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động được hỗ trợ 200.000 đồng/trẻ/tháng (*tặng 40.000 đồng so với quy định của Nghị định 105 là 160.000 đồng/trẻ/tháng*);

**(2) Đối với giáo viên** đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc thành phố Đà Nẵng đảm bảo những điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 của Chính phủ thì được hỗ trợ mức 800.000 đồng/người/tháng (*bằng mức quy định của Nghị định 105*)

Tại kỳ họp thứ 7, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 đã ban hành Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 “*Phê duyệt kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp của thành phố Đà Nẵng*”.

**(3) Hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất cho cơ sở mầm non độc lập** một lần là 20.000.000 đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập, thực hiện từ năm học 2022 - 2023 (*bằng mức quy định của Nghị định 105*).

## 2. Kết quả thực hiện

### a) Chính sách đối với trẻ em mầm non, giáo viên mầm non

Tháng 3/2022, sau khi các trường, cơ sở mầm non trở lại hoạt động ổn định sau dịch COVID-19, các quận, huyện đang triển khai chính sách hỗ trợ đến giáo viên mầm non, trẻ mầm non thuộc đối tượng thụ hưởng. Nguồn kinh phí đã được UBND thành phố bố trí về các quận, huyện và đang tiến hành chi trả cho các đối tượng thụ hưởng trong năm học 2021-2022. Kết quả thực hiện như sau:

- Đối với trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động, mức hỗ trợ 200.000 đồng/trẻ/tháng:

+ Đã có 6.895 cháu được đề xuất đề nghị hỗ trợ. Tổng kinh phí dự kiến: 1.862.200.000 đồng

- Đối với giáo viên đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc thành phố Đà Nẵng, mức hỗ trợ 800.000 đồng/người/tháng:

+ Đã có 394 giáo viên được đề xuất đề nghị hỗ trợ. Tổng kinh phí dự kiến: 555.200.000 đồng

### b) Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập

Dự kiến số cơ sở GDMN đủ điều kiện được hỗ trợ trong năm học 2022-2023: 46 cơ sở x 20 triệu đồng = 920 triệu đồng

Trên cơ sở quy định của chính sách và dự toán ngân sách bố trí, UBND quận, huyện quyết định danh sách các cơ sở giáo dục đủ điều kiện hưởng chính sách, tổ chức mua sắm tập trung trang thiết bị theo đúng quy định hiện hành và phân phối kịp thời đến các cơ sở giáo dục.

### Kết quả:

- Chính sách đối với hỗ trợ cho giáo viên và trẻ: Theo quy định, chính sách hỗ trợ được thực hiện theo thời gian thực học của trẻ tại cơ sở GDMN. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh COVID-19, các cơ sở GDMN tạm dừng hoạt động để phòng

chống dịch. Do đó, chính sách đối với trẻ em và giáo viên không thực hiện đối với học kỳ II năm học 2020-2021 và học kỳ I năm học 2021-2022. Hầu hết các quận, huyện trễ đến trường vào tháng 3-4/2022, các cơ sở GDMN mới tiến hành thủ tục hồ sơ, việc duyệt dự toán ngân sách bị chậm so với quy định. Hiện nay, thành phố đã cấp kinh phí về các quận, huyện, các đơn vị đang thực hiện việc hỗ trợ chính sách đối với giáo viên và trẻ trong học kỳ II năm học 2021-2022.

- Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập: Năm 2023, sẽ triển khai đấu thầu. Hiện tại, Nghị quyết mới ban hành nên thủ tục đấu thầu không kịp thực hiện trong năm 2022.

### **3. Đánh giá về thuận lợi và khó khăn**

#### **a) Thuận lợi**

Đà Nẵng là địa phương có nhiều tiềm năng, thu hút các nhà đầu tư, đặc biệt là đầu tư vào địa bàn khu công nghệ cao và các khu công nghiệp. Chính vì vậy, các cấp lãnh đạo thành phố dành sự quan tâm đặc biệt đối với địa bàn này. Sự ra đời của Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 là sự cụ thể hóa, thể hiện rõ nét sự quan tâm đầu tư cho GDMN.

Sau khi HĐND thành phố ban hành Nghị quyết, bên cạnh sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo thành phố, các đơn vị, sở ngành đã có sự phối hợp trong triển khai thực hiện. Theo đó, các UBND quận, huyện đã chỉ đạo triển khai gói hỗ trợ đến đúng đối tượng.

#### **b) Khó khăn**

Đối với giáo viên mầm non giảng dạy tại các cơ sở giáo dục mầm non đóng trên địa bàn huyện Hòa Vang thì không được hưởng hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND vì trên địa bàn huyện Hòa Vang không có khu công nghiệp mặc dù huyện Hòa Vang đón nhận dạy dỗ đa số trẻ là con công nhân làm việc tại các khu công nghiệp của quận Liên Chiểu và Cẩm Lệ. Đây là một bất cập và cũng là thiệt thòi đối với giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn huyện Hòa Vang.

### **III. Những kiến nghị, đề xuất**

Đề nghị Bộ GDĐT tham mưu Chính phủ điều chỉnh Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ về đối tượng đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục: mở rộng địa bàn có khu công nghiệp thuộc địa bàn cấp tỉnh, thành phố.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

### **Thực hiện chính sách hỗ trợ Giáo dục Mầm non của tỉnh Lào Cai**

#### *Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai*

### **1. Khái quát chung về giáo dục mầm non**

Lào Cai là tỉnh miền núi phía Bắc, cửa ngõ biên cương phía Tây Bắc của Tổ quốc với 25 dân tộc cùng sinh sống. Được sự quan tâm của các cấp uỷ, Đảng, chính quyền địa phương, nhiều chủ trương, chính sách phát triển giáo dục được ban hành, trong đó có giáo dục mầm non. Cấp học mầm non tỉnh Lào Cai đã phát triển mạnh về quy mô, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Hệ thống mạng lưới trường lớp mầm non được quy hoạch, mở rộng, đa dạng các loại hình, đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Năm học 2021-2022, toàn tỉnh có 197 trường và 842 điểm trường lẻ. Tổng số nhóm, lớp: 2.331 trong đó nhóm trẻ: 361, lớp mẫu giáo: 1970. Tổng số trẻ em: 57.801 trong đó, trẻ nhà trẻ: 9621 đạt tỷ lệ 27,8%; trẻ mẫu giáo: 48.180 đạt tỷ lệ 96,9%, trẻ mẫu giáo 4 tuổi đạt 97%, mẫu giáo 5 tuổi duy trì 99,8%.

Cơ sở vật chất trường, lớp học được tăng cường đầu tư, nhiều trường học có cảnh quan, cơ sở vật chất khang trang, sạch, đẹp. Toàn tỉnh có 2.331 phòng học (kiên cố 1.458, đạt 62,8%, bán kiên cố 832, chiếm 5,4%; tạm, mượn 41 phòng, chiếm 1,8%). Số phòng học xuống cấp và phòng học tạm, mượn cần xây dựng mới 213 phòng; nhu cầu nâng cấp, sửa chữa cải tạo là 660 phòng.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn tích cực học tập, bồi dưỡng chuyên môn, chất lượng đội ngũ được nâng lên rõ rệt, đặc biệt qua các đợt đánh giá kết quả bồi dưỡng và hội thi giáo viên dạy giỏi các tỉnh. 100% CBQL, GV, NV thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ, không có nhà giáo vi phạm về các việc CB, CC, VC không được làm và các quy định đối với GVMN không được làm quy định tại Điều lệ trường MN; 100% CBQL, GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên: 5409 người (CBQL: 491; giáo viên: 4329; nhân viên: 589). Giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn theo Luật Giáo dục 2019: 3842/4329, đạt 88,8%; chưa đạt chuẩn: 487/4329 người, chiếm 11,2%. Định mức trung bình toàn tỉnh đạt 1,84 giáo viên/nhóm, lớp.

## **2. Kết quả thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non và giải pháp**

Ngày 08/9/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non. Tỉnh Lào Cai đã chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung, chính sách quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành, trách nhiệm của các sở, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai tổ chức thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP hàng năm, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả.

Theo đó, Tỉnh Lào Cai đã ban hành hệ thống các văn bản để phát triển giáo dục Lào Cai, trong đó có giáo dục mầm non: Đề án 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020, đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng Giáo dục toàn diện - Nguồn nhân lực - Khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch số 138/KH-UBND, ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về Kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng PCGDMN cho trẻ 5 tuổi, thí điểm thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ 4 tuổi; Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020, Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; Công văn số 129/UBND-VX ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết 28/2020/NQ-HĐND, Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 16/07/2021; Nghị quyết 09/2022/NQ-HĐND ngày 15/07/2022; Kế hoạch số 307/KH-UBND ngày 06/11/2020 về kế hoạch thực hiện nâng chuẩn trình độ giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2020-2025.

### **- Chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo (Điều 7 Nghị định 105/NĐ-CP)**

Tính đến tháng 05/2022, tổng số trẻ em được hưởng chính sách 60.418 trẻ; tổng số tiền đã chi trả 45,054,490 triệu đồng (Năm học 2020-2021: Số trẻ 30.610 trẻ; 18,054,490 triệu đồng, năm học 2021-2022: 29.808 trẻ 27,337,099 triệu đồng)

Đặc biệt, Tỉnh Lào Cai ban hành và thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ nhà trẻ 24-36 tháng tuổi quy định tại Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

### **- Chính sách đối với giáo viên, nhân viên**

*a) Chính sách hỗ trợ nấu ăn đối với cơ sở giáo dục mầm non công lập ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn (khoản 2, 3 Điều 4)*

Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 quy định rõ chính sách hỗ trợ nấu ăn cho trẻ mầm non công lập ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn, mức hỗ trợ được tính trên số lượng trẻ được ăn bán trú, tối thiểu 2,400,000 đồng/01 tháng/45 trẻ em, dư từ 20 trẻ trở lên được tính 01 lần hỗ trợ, mỗi cơ sở giáo dục mầm non được hưởng không quá 05 mức hỗ trợ/01 tháng. Thời gian hỗ trợ 09 tháng/năm học.

Tính đến thời điểm hiện tại, số cơ sở giáo dục mầm non được hỗ trợ 117 trường, tổng số tiền 3,300,000 triệu đồng.

*b) Chính sách đối với GVMN dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số (Điều 9)*

Năm học 2020-2021: Số giáo viên được hưởng chính sách 1850 người, kinh phí thực hiện: 7,508,700 triệu đồng. Năm học 2021-2022: Số giáo viên được hưởng chính sách 1540 người, kinh phí thực hiện: 6,237,000 triệu đồng.

Tỉnh Lào Cai đã triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các cơ chế, chính sách đối với giáo dục mầm non; các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với giáo dục vùng cao, đặc biệt các chế độ hỗ trợ ăn trưa cho trẻ, chế độ hỗ trợ GV dạy tăng cường tiếng Việt, dạy lớp ghép, hỗ trợ chi phí học tập... được thực hiện đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

Mạng lưới trường lớp mầm non được củng cố và phát triển. Chất lượng và hiệu quả giáo dục tiếp tục chuyển biến rõ rệt và toàn diện, vững chắc từ vùng thấp đến vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; có nhiều mô hình và giải pháp đặc thù nâng cao chất lượng giáo dục trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số và chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ em làm trung tâm”. Ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo ở 100% các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đảm bảo phù hợp với từng đơn vị.

Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được củng cố, duy trì vững chắc ở 152/152 xã, phường, thị trấn và 9 huyện, thị xã, thành phố. Thực hiện thí điểm PCGDMN cho trẻ em 4 tuổi đang được triển khai thực hiện. Công tác xã hội hóa được đẩy mạnh và triển khai bằng nhiều hình thức, biện pháp, giải pháp cụ thể, thiết thực, hiệu quả, nâng cao hiểu biết, sự đồng thuận và tham gia của người dân đối với giáo dục mầm non.



Các cơ sở GDMN thực hiện điều chỉnh kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với diễn biến dịch Covid -19, đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần cho trẻ; sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh.

### **3. Khó khăn, vướng mắc**

Trong quá trình thực hiện chính sách chúng tôi còn một số khó khăn và vướng mắc cần tháo gỡ, cụ thể như sau:

#### **(1) Cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư:**

- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non, trong đó chính sách đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số, chỉ hỗ trợ cho giáo viên dạy điểm trường lẻ, ở thôn bản đặc biệt khó khăn, giáo viên dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số ở trường chính không được hưởng chế độ này; Đối chứng với cấp học tiểu học, chế độ dạy lớp ghép của giáo viên tiểu học quy định tại Quyết định số 15/2010/QĐ-TTg tất cả giáo viên tiểu học dạy lớp ghép đều được hưởng chế độ này. Do đó, chưa đảm bảo công bằng trong các cấp học.

- Cơ chế về học phí và các chính sách hỗ trợ cho trẻ em của Trung ương chủ yếu tập trung cho trẻ em 5 tuổi và trẻ em mẫu giáo, tuy nhiên, đối với trẻ em nhà trẻ chưa được quan tâm đúng mức, do đó, dẫn đến việc tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp thấp, khó khăn đối với cha mẹ trẻ trong việc trông giữ trẻ.

- Một số trường học có trẻ học trái tuyến (có hộ khẩu tại thôn, xã đặc biệt khó khăn) hoặc có học sinh ở thôn đặc biệt khó khăn của xã khu vực I, hoặc thuộc hộ nghèo đủ điều kiện hưởng hỗ trợ ăn trưa nhưng do nhà trường không đặt tại thôn, xã đặc biệt khó khăn nên không đủ điều kiện hưởng hỗ trợ kinh phí nấu ăn.

Nguồn ngân sách hỗ trợ cho GDMN, đặc biệt vùng khó khăn chưa đáp ứng được yêu cầu tăng nhanh về quy mô và nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Nguồn vốn xây dựng cơ bản chủ yếu là ngân sách địa phương nên rất khó khăn trong việc đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học. Đặc biệt, là thiếu ngân sách hỗ trợ chi trả cho giáo viên dạy thay, làm việc vượt quá thời gian quy định do thiếu giáo viên theo định mức, do có nhiều giáo viên nghỉ chế độ thai sản.

- Mức hỗ trợ ăn trưa cho trẻ, hỗ trợ chế độ dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số còn thấp.

(2) Cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học: Do đặc thù miền núi, vùng cao quỹ đất giành để xây dựng trường MN chật hẹp; một số xã còn nhiều điểm trường,

khó khăn trong việc đầu tư nguồn lực, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục; tỷ lệ phòng học kiên cố còn thấp (59,5%), vẫn còn một số phòng học mượn, nhờ, phòng học chưa được xây dựng kiên cố; còn nhiều điểm trường thiếu công trình vệ sinh đạt chuẩn, chưa đảm bảo đủ nước sạch, bếp ăn xây dựng tạm; thiếu đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu cho trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi và thiết bị giáo dục hiện đại

(3) Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên: Thiếu giáo viên mầm non so với định mức quy định, toàn tỉnh định mức giáo viên/nhóm, lớp mới đạt 1,84. Bình quân mỗi giáo viên mầm non làm việc 9-10 giờ/ngày từ sáng đến chiều, bao gồm cả thời gian nghỉ trưa (khoảng 2 giờ/ngày), kinh phí chi trả dạy thêm giờ rất khó khăn. Việc sắp xếp, tuyển dụng giáo viên mầm non đối với vùng khó khăn hoặc hợp đồng lao động đối với khu vực thành phố, thị xã, thị trấn còn khó, do chỉ tiêu giao biên chế viên chức trong toàn ngành của tỉnh hàng năm chưa đáp ứng được số giáo viên thiếu và thiếu nguồn tuyển giáo viên đạt chuẩn trình độ chuyên môn theo Luật Giáo dục 2019.

#### **4. Kiến nghị, đề xuất**

##### **\* Đối với Chính phủ**

- Nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ hoặc trợ cấp theo giai đoạn đối với đội ngũ nhà giáo đang bị ảnh hưởng trực tiếp của Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (thu nhập từ lương của nhà giáo khi đơn vị công tác ra khỏi vùng đặc biệt khó khăn bị giảm trung bình 5 triệu đồng/người/tháng do thôi hưởng chế độ phụ cấp, trợ cấp theo quy định của vùng đặc biệt khó khăn) để hạn chế việc giáo viên xin thôi việc và chuyển công tác ra khỏi ngành giáo dục.

##### **\* Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Nghiên cứu, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan: Bộ Nội vụ, Bộ Lao động thương binh và Xã hội, nghiên cứu quy định cho giáo viên Mầm non được nghỉ hưu sớm ít nhất 05 năm so với quy định chung về tuổi nghỉ hưu tại Điều 169, Bộ Luật lao động năm 2019.

- Rà soát, nghiên cứu để tăng mức hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ từ 160.000VN đồng/trẻ/tháng lên 220.000VN đồng/trẻ/tháng để nâng cao chất lượng bữa ăn, đảm bảo dinh dưỡng, sức khỏe cho trẻ. Tăng chế độ cho giáo viên cho giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường Tiếng Việt.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

### **Thực hiện chính sách hỗ trợ Giáo dục Mầm non vùng khó khăn**

#### ***Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum***

### **I. Khái quát chung về giáo dục mầm non tỉnh Kon Tum**

Kon Tum là tỉnh miền núi vùng cao, biên giới, nằm ở phía Bắc Tây Nguyên, hướng Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, hướng Nam giáp tỉnh Gia Lai, hướng Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi, hướng Tây giáp hai nước Lào và Campuchia với tổng diện tích 9.674,18 km<sup>2</sup>; có đường biên giới dài khoảng 280,7 km. Toàn tỉnh có 09 huyện, 01 thành phố với 102 xã, phường thị trấn, trong đó có 52 xã khu vực III, 05 xã khu vực II, 35 xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS)<sup>(26)</sup>; 13 xã biên giới<sup>(27)</sup> và 03 huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ<sup>(28)</sup>.

Dân số toàn tỉnh đến cuối năm 2021 là 568.780 người<sup>(29)</sup>; DTTS có 312.430 người chiếm 54,93% với 43 dân tộc cùng sinh sống<sup>(30)</sup>, trong đó có 07 dân tộc tại chỗ, gồm: Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai, Giê-Triêng, Hrê, Brâu và Rơ Măm.

Tổng số hộ nghèo đến cuối năm 2021: 21.989 hộ, chiếm tỷ lệ 15,32% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh, trong đó có 20.817 hộ nghèo DTTS, chiếm tỷ lệ 94,67% so với tổng số hộ nghèo; hộ cận nghèo: 9.091 hộ, chiếm tỷ lệ 6,33% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh. Kon Tum là tỉnh khó khăn, các hoạt động thu hút hệ thống trường ngoài công lập cũng như triển khai cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục công lập còn gặp nhiều khó khăn.

Năm học 2021 – 2022 toàn tỉnh có 134 trường, trong đó có 112 trường mầm non công lập, 22 trường mầm non ngoài công lập và 51 nhóm, lớp mẫu giáo độc lập tự thực. Có 1.594 nhóm, lớp trong đó có 243 nhóm trẻ và 1.351 lớp mẫu giáo.

Huy động 38.935 trẻ mầm non ra lớp, trong đó tỉ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 17%, mẫu giáo đạt 91,83%, trong đó trẻ mầm non DTTS 24.338 trẻ, trẻ nhà trẻ DTTS

<sup>26</sup> Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 07/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>(27)</sup> Huyện Sa Thầy có 2 xã là Mô Rai, Rờ Koi, huyện Ia H'Drai 3 xã: Ia Tơi, Ia Dal, Ia Dom (giáp với CamPuChia); huyện Ngọc Hồi có 5 xã là Sa Loong, Pờ Y, Đăk Xú, Đăk Dục, Đăk Nông; huyện Đăk Glei có 3 xã là Đăk Nhoong, Đăk Long, Đăk Blô (giáp với Lào).

<sup>(28)</sup> Về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, gồm: Kon Plông, Tu Mơ Rông và Ia H'Drai.

<sup>(29)</sup> Số liệu do Cục Thống kê tỉnh cung cấp ngày 10 tháng 02 năm 2022.

<sup>(30)</sup> Theo số liệu kết quả sơ bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

đạt tỉ lệ 10,21%, trẻ mẫu giáo DTTS đạt 92,03%. Trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt tỉ lệ 99,51%, trong đó trẻ 5 tuổi DTTS đạt tỉ lệ 99,56%.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV) tại các cơ sở giáo dục mầm non (GDMN) là 3.520 người, trong đó: CBQL 340, GV 2.511, NV 669. Định mức giáo viên/nhóm, lớp đạt tỉ lệ 1,6. CBQL đạt chuẩn trở lên đạt tỷ lệ 97,53%. GV đạt chuẩn trình độ trở lên đạt tỷ lệ 83,6%.

## **II. Giải pháp, kết quả thực hiện**

### **1. Các giải pháp đã thực hiện**

- Tham mưu ban hành kịp thời, hiệu quả việc triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương, cụ thể:

+ Kế hoạch số 1284/KH-UBND ngày 29/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về triển khai thực hiện “Đề án Phát triển GDMN giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Kon Tum

+ Văn bản số 3435/UBND-KGVX ngày 11/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tham mưu triển khai thực hiện Nghị định quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

+ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 06/5/2021 của Tỉnh ủy Kon Tum hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành đảng bộ tỉnh khóa XVI về nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

+ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

+ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum thông qua Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho Chương trình GDMN và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025;

+ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 thông qua Đề án phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông ngành GDĐT tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

+ Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

+ Kế hoạch số 1588/KH-UBND ngày 18/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về triển khai thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính

phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển GDĐT trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2019 – 2025;

+ Văn bản số 1363/SGDĐT-GDMN ngày 01/10/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách phát triển GDMN theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP;

+ Văn bản số 601/STC-QLNS ngày 18/02/2021 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum về việc triển khai chính sách phát triển giáo dục mầm non;

+ Công văn số 1968/UBND-KGVX ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc tuyên truyền, phổ biến và triển khai chính sách tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

- Thường xuyên được các cấp, ban ngành kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi trả chế độ chính sách hỗ trợ trẻ mầm non, nhân viên, giáo viên thuộc đối tượng hưởng chính sách.

- Sở GDĐT đã làm tốt công tác tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum, chính sách cụ thể như sau:

+ Hỗ trợ cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP: 20 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non.

+ Hỗ trợ trẻ em học mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp được quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP: 160.000đ/trẻ/tháng.

+ Hỗ trợ giáo viên mầm non (GVMN) làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp được quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP: 800.000 đồng/giáo viên/tháng.

## **2. Kết quả thực hiện chính sách ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo, hỗ trợ nhân viên nấu ăn và GVMN dạy lớp ghép/tăng cường tiếng Việt**

Căn cứ các chế độ chính sách do Trung ương ban hành, địa phương đã chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy định.

### **2.1. Chính sách ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo**

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo theo Điều 7 Nghị định 105/NĐ-CP đến hết năm học 2021-2022, trong đó:

- Năm học 2020-2021:
  - + Đối với cơ sở GDMN công lập: 23.333.167 ngàn đồng
  - + Đối với cơ sở GDMN ngoài công lập: 135.730 ngàn đồng
- Năm học 2021-2022:
  - + Đối với cơ sở GDMN công lập: 22.633.787 ngàn đồng
  - + Đối với cơ sở GDMN ngoài công lập: 108.000 ngàn đồng

## **2.2. Chính sách hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em**

Sở GDĐT đã triển khai đến các cơ sở GDMN trên địa bàn tỉnh Kon Tum chính sách hỗ trợ nấu ăn cho trẻ em trong cơ sở GDMN công lập ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn (khoản 2, 3 Điều 4) Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Kết quả có 41 cơ sở GDMN được hỗ trợ với tổng số tiền là 2.950,05 triệu đồng.

## **2.3 Chính sách đối với GVMN dạy lớp ghép/tăng cường tiếng Việt cho trẻ em DTTS**

Sở GDĐT đã triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương về chế độ, chính sách đối với GVMN dạy lớp ghép/tăng cường tiếng Việt theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, kết quả:

- Năm học 2020-2021: 3.094,912 triệu đồng; có 656 GVMN được hưởng phụ cấp dạy lớp ghép và 433 GVMN được hưởng phụ cấp tăng cường tiếng Việt.
- Năm học 2021-2022: 2.913,958 triệu đồng; có 601 GVMN được hưởng phụ cấp dạy lớp ghép và 424 GVMN được hưởng phụ cấp tăng cường tiếng Việt.

## **3. Đánh giá thuận lợi và khó khăn, vướng mắc**

### **3.1. Thuận lợi**

- Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ngành GDĐT nói riêng và thực hiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung.

- Với sự nỗ lực vượt bậc, Ngành GDĐT đã tích cực tham mưu Hội đồng nhân dân, UBND ban hành nhiều nghị quyết, quyết định, kế hoạch và các văn bản chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của toàn Ngành.

- Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đã tạo điều kiện huy động trẻ đến lớp góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

- Công tác bán trú, tổ chức ăn trưa cho trẻ tại cơ sở GDMN được cải thiện, tăng tỉ lệ trẻ được ăn trưa tại trường, duy trì đảm bảo việc học 2 buổi/ngày cho trẻ tại các cơ sở GDMN.

### **3.2. Khó khăn, vướng mắc**

- Theo quy định về đối tượng thụ hưởng tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, chính sách hỗ trợ này mới chỉ dành cho trẻ mẫu giáo từ 36 - 72 tháng tuổi, còn đối với trẻ nhà trẻ dưới 36 tháng tuổi không thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách. Đây là một trong những nguyên nhân chưa nâng cao được tỷ lệ trẻ em ở độ tuổi nhà trẻ tới lớp, trẻ không được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Chương trình GDMN và chưa giảm bớt khó khăn cho cha mẹ trẻ em DTTS.

- Mức hỗ trợ chính sách hỗ trợ nấu ăn đối với cơ sở GDMN công lập ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP còn thấp, khó khăn trong việc chi trả lương cho đội ngũ nhân viên nấu ăn, khó trong việc hợp đồng nhân viên nấu ăn...

- Đối với chính sách với giáo viên dạy lớp ghép tăng cường tiếng Việt tại Điều 9 Nghị định 105/2020/NĐ-CP thì chỉ có giáo viên điểm lẻ được hưởng, giáo viên điểm chính không được hưởng, mặc dù GVMN ở điểm chính cũng dạy lớp ghép tăng cường tiếng Việt.

## **4. Đề xuất kiến nghị**

### **4.1. Đối với Chính phủ**

- Đề nghị nghiên cứu để bổ sung đối tượng thụ hưởng chính sách là trẻ em dưới 3 tuổi đang học trong cơ sở GDMN vùng DTTS.

- Đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung chính sách với giáo viên dạy lớp ghép tăng cường tiếng Việt ở điểm chính tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn.

- Đề nghị điều chỉnh tăng mức hỗ trợ chính sách hỗ trợ nấu ăn đối với cơ sở GDMN công lập ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn theo mức lương tối thiểu vùng để hợp đồng người lao động theo quy định Luật lao động.

### **4.2. Đối với Bộ, ban ngành Trung ương**

Tham mưu ban hành các chính sách đặc thù đối với trẻ mầm non, giáo viên và nhân viên tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ tại các khu vực này./.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

### **Công tác xã hội hóa phát triển giáo dục mầm non và quy định các mức thu dịch vụ giáo dục mầm non không sử dụng ngân sách nhà nước**

*Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh*

#### **I. Khái quát tình hình chung về GDMN của đơn vị**

Bắc Ninh là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, có 8 huyện, thành phố thuộc tỉnh (thành phố Bắc Ninh, Từ Sơn và 6 huyện); có 126 xã, phường, thị trấn.

Ngành Giáo dục đào tạo tỉnh nói chung và GDMN nói riêng luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm toàn diện, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển không ngừng. Quy mô, mạng lưới trường, lớp được mở rộng, cơ sở vật chất được quan tâm, đầu tư cơ bản theo hướng khang trang, hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân.

##### **\* Về quy mô trường lớp**

Tính đến hết năm học 2021-2022, toàn tỉnh có 176 trường mầm non (155 trường công lập; 21 trường tư thục); 186 cơ sở GDMN độc lập.

- Nhà trẻ: 995 nhóm; trong đó 681 nhóm trong trường mầm non, 314 cơ sở giáo dục mầm non độc lập (97 cơ sở GDMN giáp danh khu công nghiệp). Huy động 21.635 trẻ (đạt 43,2 % độ tuổi), trong đó 16.398 trẻ trong trường mầm non; 5.237 trẻ trong cơ sở GDMN độc lập (2.228 trẻ con công nhân).

- Mẫu giáo: 2.755 lớp; trong đó 2.426 lớp trong trường mầm non, 329 lớp độc lập (125 lớp độc lập giáp danh khu công nghiệp). Huy động 73.729 trẻ (đạt 99,9% độ tuổi), trong đó 68.144 trẻ trong trường mầm non; 5.585 trẻ trong cơ sở GDMN độc lập (11.875 trẻ con công nhân).

##### **\* Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

Toàn tỉnh có 10.475 cán bộ quản lý (CBQL), chủ cơ sở, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở GDMN. Trong đó có 8.917 CBQL, giáo viên, nhân viên trong các trường mầm non (công lập và tư thục); 1.558 chủ cơ sở, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở GDMN độc lập. Số trong biên chế là 5.416 người, chiếm 51,7%. Trình độ chuẩn trở lên của đội ngũ CBQL, giáo viên trong trường mầm non là 93,9%, trong



đó trên chuẩn 74,4%. Định biên giáo viên/nhóm, lớp ở nhà trẻ là 2,14; mẫu giáo là 1,92.

**\* Về cơ sở vật chất**

Cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng theo hướng khang trang, hiện đại, đảm bảo thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được quan tâm chỉ đạo, toàn tỉnh có 162/176 trường (đạt 92%).

Công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi đảm bảo vững chắc, tạo điều kiện, tiền đề cho việc hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo.

## **II. Tình hình triển khai thực hiện các chính sách**

### **1. Chính sách đối với cơ sở GDMN**

#### **1.1. Chính sách đầu tư, ưu tiên phát triển GDMN ngoài công lập**

**\* Công tác tham mưu ban hành văn bản và triển khai thực hiện**

Trước khi có Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển GDMN; Sở GDĐT Bắc Ninh đã tham mưu với UBND tỉnh trình ban hành Nghị quyết 149/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về việc quy định một số chế độ, chính sách phát triển GDMN và giáo dục phổ thông ngoài công lập trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018-2025. Trên cơ sở Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển GDMN, Sở GDĐT Bắc Ninh tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Sở liên quan tham mưu với HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết 149/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về việc quy định một số chế độ, chính sách phát triển GDMN và giáo dục phổ thông ngoài công lập trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018-2025, với các chính sách cụ thể như sau:

Cho thuê đất và miễn tiền thuê đất, hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng tối đa không quá 6.5%/năm, thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, tối đa không quá 05 năm;

Hỗ trợ chế độ đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với giáo viên: Các giáo viên trong các cơ sở GDMN ngoài công lập thành lập sau tháng 8/2018 được

hỗ trợ 50% mức đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (mà người sử dụng lao động phải đóng cho cơ quan bảo hiểm) theo quy định hiện hành từ ngân sách tỉnh trong thời gian 5 năm kể từ khi trường thành lập đi vào hoạt động.

Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học

+ Đối với cơ sở GDMN độc lập: Hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học: Mức thấp nhất 50 triệu đồng/nhóm lớp (quy mô trên 12 trẻ và ở KCN); không quá 100 triệu đồng/nhóm, lớp (quy mô 20-40 trẻ); không quá 300 triệu đồng/nhóm, lớp (trên 40 trẻ trở lên).

+ Đối với trường mầm non tư thục: Có quy mô từ 50 trẻ đến 100 trẻ trở lên được hỗ trợ kinh phí mua sắm thiết bị đồ chơi trong lớp và đồ chơi ngoài trời có giá trị không quá 400 triệu đồng/01 trường; có qui mô trên 100 trẻ trở lên được hỗ trợ kinh phí mua sắm thiết bị đồ chơi trong lớp và đồ chơi ngoài trời có giá trị không quá 900 triệu đồng/01 trường.

- Hỗ trợ học phí cho trẻ học tại các cơ sở GDMN ngoài công lập trong KCN, giáp ranh KCN được hỗ trợ học phí bằng mức học phí của các cơ sở GDMN công lập đóng trên cùng địa bàn.

Tiếp tục tham mưu với UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thành phố thực hiện việc quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 242/2017/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh. Trong đó ưu tiên phát triển GDMN ngoài công lập, khu công nghiệp, khu vực đông dân cư, phù hợp với điều kiện và đáp ứng nhu cầu gửi con của nhân dân.

Tuyên truyền rộng rãi về chính sách đầu tư, ưu tiên phát triển GDMN; phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố trong việc tổ chức triển khai thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định 105/2020 của Chính phủ và Nghị quyết 05/2021 của HĐND tỉnh; thực hiện việc kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ với Sở GDĐT, Sở Tài chính và các Sở ngành liên quan.

\* Kết quả: Công tác quy hoạch mạng lưới trường, lớp được triển khai đồng bộ trong toàn tỉnh. Các địa phương đã đầu tư kinh phí mở rộng diện tích, xây dựng cơ sở vật chất phòng học, phòng chức năng, các công trình phụ trợ và mua sắm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các cơ sở GDMN. Tạo điều kiện thành lập mới và

chia tách các trường mầm non công lập gần khu công nghiệp (KCN); thành lập trường mầm non tư thục, phát triển các cơ sở GDMN độc lập để đáp ứng nhu cầu gửi con của công nhân làm việc trong các KCN, cụm công nghiệp của tỉnh.

100% phòng học được xây dựng kiên cố; đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/nhóm, lớp; 02 trường mầm non được vay vốn ưu đãi, với tổng kinh phí là 11,340 tỉ đồng.

Đã thực hiện hỗ trợ mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học cho 136 cơ sở GDMN ngoài công lập (16 trường tư thục; 119 cơ sở GDMN độc lập và 01 Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập) với tổng kinh phí trên 33,7 tỷ đồng;

Hỗ trợ đóng BHXH, bảo hiểm y tế đối với giáo viên: 137 giáo viên.

Sở GDĐT tiếp tục phối hợp đôn đốc các đơn vị để tổng hợp bổ sung kinh phí hỗ trợ trong năm 2022.

1.2. Chính sách thực hiện một số dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước

Từ 2016 đến nay, Sở GDĐT đã phối hợp tham mưu với UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Văn bản số 2288/UBND-VX ngày 26/8/2016 và ban hành Văn bản hướng dẫn liên ngành số 1091/LS-GDĐT-TC ngày 30/8/2016 về việc thu và sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở GDMN, phổ thông, GDTX công lập trên địa bàn tỉnh, hàng năm ban hành văn bản tiếp tục triển khai thực hiện, theo đó các cơ sở GDMN công lập được thực hiện dịch vụ bán trú (trông trưa) với mức thu từ 100.000đ đến 140.000đ/tháng/trẻ; tiền điện, tiền vệ sinh, tiền nước uống để đảm bảo các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, trên cơ sở nhu cầu và sự đồng thuận của cha mẹ trẻ về mức thu; thực hiện chi theo nguyên tắc thu đủ chi và được thông báo công khai; các nội dung chi phải thực hiện chi theo đúng dự toán đã được phê duyệt.

## **2. Chính sách đối với trẻ mầm non**

### **2.1. Chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo**

Việc chi trả chế độ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo được các đơn vị thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

Năm học 2020-2021: Đã thực hiện chi trả chế độ ăn trưa cho 1.531 trẻ, với tổng kinh phí là 1,429,322,000đ;

Năm học 2021-2022: Đã thực hiện chi trả chế độ ăn trưa cho 1.331 trẻ, trong đó trường công lập là 1.320 trẻ; ngoài công lập là 11 trẻ; tổng kinh phí là 1,249,778.000đ;

2.2. Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại các KCN

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non là con công nhân, người lao động làm việc trong các KCN được các đơn vị thực hiện theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 149/2018 của HĐND tỉnh với mức 160.000đ/tháng.

Để giảm bớt những khó khăn đối với cha mẹ học sinh trong năm học 2021 - 2022, Sở GDĐT đã tham mưu tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về việc Quy định chính sách về học phí; hỗ trợ đối với trẻ em, học sinh có hoàn cảnh khó khăn chịu tác động của đại dịch COVID -19 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, năm học 2021-2022; miễn và hỗ trợ học phí cho 100% trẻ em và học sinh trên địa bàn tỉnh 04 tháng học kỳ I năm học 2021-2022 (trong đó đã bao gồm 100% trẻ em, học sinh là con em công nhân).

### **3. Chính sách đối với giáo viên, nhân viên**

#### **3.1. Chính sách hỗ trợ nấu ăn đối với cơ sở GDMN công lập**

Từ năm học 2018-2019 đến nay, Bắc Ninh có chính sách hỗ trợ nhân viên nấu ăn trong các trường mầm non công lập.

Hàng năm, Sở GDĐT đã phối hợp với các Sở ngành tham mưu với tỉnh ban hành Nghị quyết về việc hỗ trợ kinh phí hợp đồng giáo viên và nhân viên nấu ăn: Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 18/7/2018; Nghị quyết số 181/NQ-HĐND ngày 04/6/2019; Công văn số 3897/UBND-NC ngày 09/11/2020; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 16/7/2021; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 07/7/2022. Theo đó, nhân viên nấu ăn trong các cơ sở GDMN công lập được hỗ trợ từ 2.294.000đ/tháng/nhân viên (năm học 2018-2029) tăng lên mức hỗ trợ 5.497.232đ/tháng/nhân viên (năm học 2022-2023).

#### **3.2. Chính sách đối với giáo viên ngoài công lập ở địa bàn có KCN**

Thực hiện Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ, HĐND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 149/2018 của HĐND tỉnh, theo đó giáo viên mầm non đang làm việc trong các cơ sở GDMN ngoài công lập ở địa bàn KCN, cụm công nghiệp, trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em trở lên là con công nhân, người lao động đang làm việc tại KCN và cụm công nghiệp được hỗ trợ 800.000đồng/tháng.

Tính đến 8/2022, toàn tỉnh đã có 42 giáo viên hoàn thiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

3.3. Thực hiện nghiêm túc chính sách hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn đối với giáo viên mầm non tư thục

Nguồn kinh phí được giao trong dự toán ngân sách các huyện, thành phố hàng năm.

#### **4. Một số chính sách khác của địa phương đối với giáo dục mầm non**

Ngoài các sách đối với GDMN theo quy định, Bắc Ninh còn có chính sách đối với GDMN như sau:

Nghị quyết số 05/2020 của HĐND tỉnh và Quyết định 345/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về thực hiện Chương trình “Sửa học đường” trong các cơ sở GDMN và giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2020-2025;

#### **III. Những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện**

Trong thời gian qua, do tình hình dịch bệnh COVID-19 kéo dài và diễn biến phức tạp, việc tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường mầm non và cơ sở GDMN độc lập không ổn định, nên việc thực hiện một số chính sách còn gặp nhiều khó khăn và chưa kịp thời, cụ thể:

Thực hiện chính sách đối với giáo viên ngoài công lập còn nhiều khó khăn do đội ngũ thường xuyên thay đổi; một số cơ sở GDMN độc lập giải thể do ảnh hưởng dịch.

- Việc triển khai thực hiện các thủ tục, hồ sơ hỗ trợ còn gặp khó khăn do:

+ Cha mẹ trẻ không ổn định (chuyên công ty đi nơi khác hoặc về quê) nên việc xác nhận của Công ty, doanh nghiệp tại thời điểm làm hồ sơ và thời điểm nhận hỗ trợ không đồng nhất cùng một công ty.

+ Thủ tục hồ sơ đề nghị hỗ trợ chưa có sự thống nhất cao, nhiều cơ sở phải làm đi làm lại nhiều lần nên còn chậm trễ trong việc chi trả kinh phí hỗ trợ.

- Khả năng thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho GDMN bị hạn chế do ảnh hưởng dịch.

- Đối tượng trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại các KCN trên địa bàn tỉnh đông và tăng nhanh, thường xuyên biến động nên khó khăn trong việc thống kê, chi trả hỗ trợ theo quy định.

- Đội ngũ giáo viên ở các nhóm, lớp độc lập tư thục luôn thay đổi nên gặp khó khăn trong công tác thống kê, đào tạo, bồi dưỡng.

### **III. Phương hướng khắc phục trong thời gian tới**

Sở GDĐT tiếp tục phối hợp tham mưu, chỉ đạo việc ban hành và thực hiện các chính sách đối với GDMN ngoài công lập;

Tiếp tục hoàn thiện và trình tỉnh cho phép sửa đổi, bổ sung các khoản thu một số dịch vụ trong các trường mầm non công lập để giảm áp lực về ngân sách nhà nước chi cho GDĐT nói chung và GDMN nói riêng;

Chỉ đạo các phòng GDĐT tiếp tục bám sát các chính sách của tỉnh, hướng dẫn các cơ sở GDMN hoàn thiện thủ tục đề nghị hỗ trợ theo chính sách quy định.

Với các chủ trương, cơ chế, chính sách của tỉnh, cùng với các giải pháp quyết liệt, mạnh mẽ, trong các năm học tiếp theo, hệ thống giáo dục mầm non của Bắc Ninh sẽ phát triển mạnh mẽ, đáp ứng tốt được nhu cầu gửi trẻ của nhân dân và công nhân lao động ở các khu công nghiệp, khu chế xuất và góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ trong các cơ sở GDMN trên địa bàn tỉnh./.

**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**Về công tác xã hội hóa phát triển giáo dục mầm non và quy định các mức**  
**thu dịch vụ giáo dục mầm non không sử dụng Ngân sách nhà nước trên**  
**địa bàn tỉnh Bình Định**

*Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định*

**I. Khái quát tình hình chung về giáo dục mầm non của tỉnh Bình Định**

Bình Định nằm ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, là 01 trong 05 tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có diện tích tự nhiên là 606.640 ha với khoảng 1,5 triệu người; gồm 08 huyện, 02 thị xã và 01 thành phố với 159 đơn vị hành chính cấp xã.

Trong thời gian qua, hệ thống giáo dục mầm non (GDMN) trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì và phát triển quy mô mạng lưới trường lớp và đa dạng các loại hình giáo dục. Kết thúc năm học 2021-2022, tỉnh Bình Định có 434 cơ sở GDMN (trong đó có 219 trường và 215 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tư thục độc lập; tăng 03 trường MN tư thục và giảm 01 giảm 01 nhóm, lớp độc lập tư thục so với năm học trước). Tổng số trẻ đến trường: 59.095; trong đó trẻ nhà trẻ 6.030, tỉ lệ 12,81%; trẻ mẫu giáo 53.065, tỉ lệ 75,28%; trẻ 5 tuổi 23.607, đạt tỉ lệ: 99,4%.

Công tác xã hội hóa giáo dục mầm non được quan tâm đúng mức, toàn tỉnh có 48 trường MN tư thục, 02 trường MN dân lập và 215 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tư thục độc lập; huy động được 15.309 trẻ em đến trường, đạt tỉ lệ 25,90%.

**II. Tình hình thực hiện chính sách và tham mưu ban hành chính sách**

**1. Thực hiện chính sách ban hành trước Nghị định số 105/2020/NĐ-CP**

a) Nội dung chính sách

UBND tỉnh Bình Định đã kịp thời ban hành các văn bản để triển khai Chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ...

b) Kết quả thực hiện chính sách

- UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Công văn số 1469/UBND-VX ngày 28/3/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc thực hiện Nghị định số 06/2018/NĐ-CP

ngày 05/01/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non.

- Chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP đã tháo gỡ những khó khăn cho giáo viên, trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng góp phần phát triển GDMN tại địa phương trong thời gian qua.

- Tuy nhiên Nghị định số 06/2018/NĐ-CP chỉ tập trung hỗ trợ cho đối tượng giáo viên, trẻ em trong các cơ sở GDMN công lập mà chưa quan tâm hỗ trợ hệ thống GDMN ngoài công lập;

- Địa phương chỉ thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 06/2018/NĐ-CP từ nguồn ngân sách nhà nước chứ chưa ban hành các chính sách đặc thù hỗ trợ từ ngân sách địa phương.

## ***2. Thực hiện chính sách ban hành theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP***

Sau khi Nghị quyết số 105/2020/NQ-CP được ban hành HĐND, UBND tỉnh Bình Định đã nhận thức rõ tính ưu việt, cấp thiết của các chính sách quy định tại Nghị định. UBND tỉnh đã có văn bản giao cho Sở GDĐT là đơn vị thường trực phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu thực hiện chính sách.

### **a) Nội dung chính sách**

Trong 09 chính sách được quy định tại Nghị định số 105/NĐ-CP, Bình Định đã triển khai thực hiện kịp thời các chính sách thuộc ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương được quy định tại các điều 4,7 và 9 Nghị định này<sup>31</sup>. Riêng các chính sách sử dụng ngân sách địa phương và khuyến khích đầu tư phát triển GDMN được quy định tại điều 3, 5, 6, 8,10 và 11 của Nghị định, UBND tỉnh đăng ký nội dung trình trong các kỳ họp HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021-2026<sup>32</sup>; đồng thời chỉ đạo Sở GDĐT tích cực phối hợp với các Sở, Ngành liên quan triển khai các bước xây dựng văn bản tham mưu UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh phê duyệt theo các nội dung đã đăng ký ở từng kỳ họp.

### **b) Kết quả thực hiện chính sách**

<sup>31</sup> Công văn số 348/UBND-VX ngày 19/01.2021 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 105/NQ-CP Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

<sup>32</sup> Công văn số 2788/UBND-TH ngày 24/5/2022 V/v đăng ký nội dung trình tại kỳ họp thứ 6, HĐND tỉnh khóa XIII; Công văn số 4327/UBND-TH ngày 01/8/2022 V/v đăng ký nội dung trình tại kỳ họp chuyên đề (kỳ họp thứ 7), HĐND tỉnh khóa XIII; Công văn số 5836/UBND-TH ngày 09/10/2022 V/v đăng ký nội dung trình tại kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh khóa XIII;



*\* Các chính sách thuộc ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương (Điều 4, 7 và 9)*

Trên cơ sở báo cáo tổng hợp của Sở Tài chính tại Công văn số 2094/STC-QLNS ngày 13/7/2021 về tình hình thực hiện chính sách theo Nghị định số 105/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh; cụ thể như sau:

- Năm 2021: Tổng kinh phí thực hiện là: **27.014** triệu đồng
  - + Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em: 22.717 triệu đồng;
  - + Chính sách hỗ trợ nấu ăn cho trẻ em tại các cơ sở GDMN ở xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn: 2.009 triệu đồng;
  - + Chính sách đối với giáo viên mầm non: 2.288 triệu đồng
- Năm 2022: Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện theo dự toán là: **26.548** triệu đồng.
  - + Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em: 22.683 triệu đồng;
  - + Chính sách hỗ trợ nấu ăn cho trẻ em tại các cơ sở GDMN ở xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn: 1.577 triệu đồng;
  - + Chính sách đối với giáo viên mầm non: 2.288 triệu đồng.

*\* Các chính sách đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non và chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển GDMN*

- Chính sách đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non.

UBND tỉnh đã tham mưu HĐND tỉnh Bình Định Khóa XIII, Kỳ họp chuyên đề (thứ 7) ban hành Nghị quyết số 45/NQ-HĐND 07/9/2022 về Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình GDMN và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025. Đối với GDMN xây dựng bổ sung 65 phòng học, 43 phòng học bộ môn, phòng chức năng, phòng hiệu bộ và một số hạng mục phụ trợ khác; mua sắm bổ sung một số bàn ghế trẻ và thiết bị dạy học.

- Chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển GDMN

UBND tỉnh đã tham mưu HĐND tỉnh Bình Định Khóa XIII, Kỳ họp thứ 6 ban hành Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 Quy định các mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định. Mức chi cụ thể như sau:

(1) Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong các cơ sở GDMN vào ngày thứ 7 và trong thời gian nghỉ hè: 30.000 đồng/trẻ/ngày;

(2) Dịch vụ ban trú (không bao gồm tiền ăn): 150.000 đồng/trẻ/tháng;

(3) Dạy trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh: 10.000 đồng/trẻ/giờ.

*\* Các chính sách sử dụng nguồn ngân sách địa phương để thực hiện được quy định tại điều 5, 8, 10 và 11 của Nghị định*

UBND tỉnh đã có văn bản đăng ký nội dung trình tại kỳ họp thứ 9 (dự kiến vào tháng 12/2022), HĐND tỉnh khóa XIII với nội dung “Tờ trình về việc ban hành Quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, giáo viên mầm non và cơ sở GDMN độc lập, dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định” Nội dung và mức chi theo quy định tại Nghị định số 105/NĐ-CP.

c) Tác động của chính sách đối với GDMN của địa phương

Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển giáo dục mầm non được ban hành là cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương triển khai thực hiện các chính sách phát triển GDMN nhằm tăng cường nguồn lực từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đầu tư cơ sở vật chất theo các chương trình, dự án để thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp GDMN; củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; tiến tới phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo vào năm 2027;

Việc thực hiện chính sách kịp thời, với mức hỗ trợ và các khoản thu ngoài học phí phù hợp với thu nhập bình quân đầu người của tỉnh sẽ góp phần khuyến khích rất lớn cho giáo viên, nhân viên, trẻ em và cơ sở GDMN; chính sách còn tác động tích cực đến tâm tư tình cảm và nguyện vọng của đông đảo người lao động ở các khu công nghiệp có con theo học ở các cơ sở GDMN thuộc loại hình dân lập, tư thực; hỗ trợ hiệu quả cho việc phát triển loại hình GDMN độc lập dân lập, tư thực góp phần cải thiện tỉ lệ huy động trẻ đến trường và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong các cơ sở GDMN.

### ***3. Bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện***

- Để Nghị định số 105/NĐ-CP phát huy tính ưu việt, nhân văn và trở thành bệ đỡ cho sự phát triển GDMN trước hết cần có sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; sự phối hợp tích cực của các ban ngành, hội, đoàn thể và đặc biệt là trách nhiệm của ngành GDĐT.

- Từng địa phương phải có sự chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, trong tổ chức thực hiện để phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị thì mới mang lại hiệu quả thiết thực.

- Trong quá trình triển khai thực hiện ở địa phương cần có sự kiểm tra, đánh giá, sơ tổng kết kịp thời để đảm bảo các chính sách đem lại hiệu quả.

### **III. Kiến nghị, đề xuất**

#### **1. Đối với Quốc hội**

Quốc hội tiếp tục nghiên cứu, ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển GDMN, trong đó có ưu tiên cho GDMN dân lập, tư thục trên địa bàn có KCN, KCX (Các chính sách về hỗ trợ cơ sở vật chất, đóng bảo hiểm xã hội cho giáo viên dạy ở cơ sở GDMN tư thục, miễn giảm học phí cho trẻ em con công nhân theo học trong các cơ sở GDMN trên địa bàn...).

#### **2. Đối với Chính phủ**

Đề nghị sửa đổi Nghị định số 105/NĐ-CP để bổ sung thêm đối tượng trẻ dưới 3 tuổi ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ tiền ăn trưa tạo điều kiện cho trẻ em nhà trẻ được đến trường và đối tượng giáo viên dạy lớp ghép hoặc lớp tăng cường tiếng Việt tại điểm trường chính ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn được thụ hưởng chính sách.

Chính phủ cần ban hành Nghị định triển khai chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế nhằm khuyến khích xã hội hóa trong việc đầu tư phát triển cơ sở GDMN ngoài công lập ở KCN; cần có những quy định trách nhiệm ràng buộc của các doanh nghiệp trong việc xây dựng các công trình phúc lợi xã hội cho con em công nhân trên địa bàn KCN.

#### **3. Đối với các bộ, ngành**

Tăng cường đầu tư kinh phí cho các địa phương xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo theo yêu cầu quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 quy định tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đáp ứng kịp thời với những đổi mới của Chương trình GDMN./.

